

Số: /BC-SVHTTDL

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

## BÁO CÁO

**Đánh giá tác động của Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2025-2030**

### I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

#### 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

##### 1.1. Luật pháp và chủ trương chính sách hiện hành

Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hải Dương được xây dựng trong bối cảnh Luật Du lịch 2017 đã ban hành với nhiều quy định mới được. Đồng thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến phát triển du lịch cũng được định hướng theo quan điểm đẩy mạnh phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Những căn cứ để xây dựng văn bản bao gồm:

##### a) Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Du lịch năm 2017: Điều 75 điểm a khoản 2: UBND các cấp ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; Điều 19, khoản 2: UBND cấp tỉnh có chính sách hỗ trợ về trang thiết bị cần thiết ban đầu cho cá nhân, hộ gia đình trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch; Điều 5: Nhà nước có chính sách huy động mọi nguồn lực cho phát triển du lịch để bảo đảm du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020;

- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, ngày 13/6/2019;

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, ngày 21/6/2017;

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

##### b) Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

*c) Định hướng phát triển:*

- Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Quyết định số 2163/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020”;

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt “Đề án Phát triển Du lịch chất lượng cao tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

- Kế hoạch hành động số 2391/KH-UBND ngày 05/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ phê duyệt về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững;

- Kế hoạch số 4579/KH-UBND ngày 30/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023-2025.

**1.2. Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch**

Tỉnh Hải Dương có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, như: có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện,

kết nối với các trung tâm du lịch lớn của khu vực và cả nước về đường sắt và đường bộ, đường thủy; điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, khí hậu ôn hòa, nhiều danh lam, thắng cảnh nổi tiếng; sự đa dạng phong phú về các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, phong tục tập quán, con người thân thiện, mến khách. Với 3.199 di tích lịch sử, văn hoá, danh thắng, trong đó có 04 di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt, 142 di tích quốc gia, 271 di tích cấp tỉnh, 17 khu, điểm du lịch; 11 bảo vật quốc gia; 11 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; 826 lễ hội truyền thống, là “cái nôi” của nghệ thuật Chèo, UNESCO công nhận Hát ca trù là di sản văn hóa đại diện của nhân loại; có nghệ thuật rỗi nước (Hồng Phong, Thanh Hải, Lê Lợi) nổi tiếng vùng đồng bằng Sông Hồng; 66 làng nghề, trong đó có 34 làng nghề truyền thống; sản phẩm OCOP phong phú, đa dạng, làng nghề truyền thống, ẩm thực đặc sản nổi tiếng: bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh gai, bún chả, chả rươi... Nhiều vùng có tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn như Đảo Cò, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện; Sông Hương, huyện Thanh Hà; khu vực rừng phong xã Hoàng Hoa Thám, rừng dẻ xã Bắc An, thành phố Chí Linh; vùng hành, tỏi, thị xã Kinh Môn; vùng rươi, cáy huyện Tứ Kỳ, Thanh Hà, Kinh Môn, vùng cà rốt huyện Nam Sách, Cẩm Giàng...

Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh, có 17 khu, điểm du lịch là các di tích quốc gia, di tích và quần thể di tích quốc gia đặc biệt đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận là khu du lịch cấp tỉnh, điểm du lịch (*Phụ lục III*) như: khu di tích Côn Sơn-Kiếp Bạc, quần thể An Phụ- Kính Chủ- Nhâm Dương; Văn Miếu Mao Điền, cụm di tích đền Xưa - chùa Giám - đền Bia, các di tích xếp hạng quốc gia như đền thờ Chu Văn An, đền thờ lương quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, đền thờ Nguyễn Thị Duệ, đền Tranh, đền Cao (xã An Lạc, thành phố Chí Linh)... Trong thời gian tới, tiếp tục khuyến khích các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh lập hồ sơ công nhận nhằm nâng cao chất lượng các khu, điểm du lịch gắn với di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề, ẩm thực... nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa bền vững, có hiệu quả kinh tế cao.

Với những tiềm năng thế mạnh nêu trên, trong những năm gần đây, tỉnh đã tập trung huy động nhiều nguồn lực phát triển du lịch. Nhiều tổ chức, cá nhân đã tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Toàn tỉnh hiện có 342 cơ sở lưu trú (khách sạn, homestay, nhà nghỉ) với tổng số 5731 phòng, trong đó có 56 khách sạn với 1892 phòng (01 khách sạn 4 sao, 04 khách sạn 3 sao, 04 khách sạn 2 sao, 02 khách sạn 1 sao, 45 khách sạn không đăng ký xếp hạng) và 6 homestay với 15 phòng; 35 doanh nghiệp lữ hành (24 nội địa, 11 quốc tế).

Đã xây dựng, đưa vào khai thác các sản phẩm du lịch chủ yếu gắn với thế mạnh của tỉnh về tài nguyên du lịch văn hóa, du lịch nông nghiệp nông thôn, cụ thể:

- *Du lịch văn hóa tham quan danh lam thắng cảnh:* tại Côn Sơn - Kiếp Bạc, An Phụ - Kính Chủ - Nhâm Dương, đền Chu Văn An, đền Tranh, đền Khúc Thừa Dụ, Văn Miếu Mao Điền, đền Bia - chùa Giám - đền Xưa

- *Du lịch lễ hội* gắn với các lễ hội tiêu biểu như: lễ hội mùa Xuân, mùa Thu Côn Sơn - Kiếp Bạc, lễ hội đền Cao An Phụ, lễ hội chùa Nhầm Dương, lễ hội Văn Miếu Mao Điền, lễ hội đền Tranh, lễ hội làng Tiên sĩ Mộ Trạch...

- *Du lịch nông nghiệp, nông thôn*: Đảo Cò, xã Chi Lăng Nam - Thanh Miện; Sông Hương - Thanh Hà với các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu (vải, ổi, bưởi, rươi, cáy); Kinh Môn (cam, hành, tỏi, đà điểu); Chí Linh (na, nhãn); Nam Sách (hành, tỏi, cà rốt); Tứ Kỳ (rươi, cáy), làng nghề Gốm Chu Đậu, làng nghề gỗ Đông Giao...

Quy hoạch tỉnh Hải Dương được ban hành tại Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ xác định phương án phát triển 18 khu tổ hợp sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng triển khai trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm: Khu du lịch Đảo Ngọc, khu di tích quốc gia đặc biệt Côn Sơn- Kiếp Bạc (hình thành khu du lịch quốc gia), khu du lịch sinh thái hồ Thanh Long, khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí Cồn Vĩnh Trụ; tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Đập Vền; khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nông nghiệp công nghệ cao (du lịch dưới tán rừng); khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với quần thể di tích chùa Thanh Mai; làng du lịch thôn Thanh Mai gắn với vùng trồng hoa; Phát triển các bến thuyền (địa bàn thành phố Chí Linh) phục vụ du lịch; khu du lịch An Phụ- Kính Chủ- Nhầm Dương; khu du lịch làng nghề truyền thống gỗ Đông Giao; khu du lịch nông nghiệp sinh thái An Thanh; khu du lịch văn hóa Gốm Chu Đậu; khu du lịch sinh thái Đảo Cò; khu du lịch văn hóa lịch sử, du lịch nông nghiệp và làng nghề truyền thống huyện Ninh Giang; khu du lịch sinh thái Sông Hương và khu du lịch dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng và sân golf Bãi Soi (Thanh Hà và Tứ Kỳ).

Du lịch của tỉnh đã bước đầu tăng trưởng và phát triển cả về sản phẩm du lịch, số lượng khách và tổng thu du lịch. Mặc dù chịu tác động gay gắt của đại dịch COVID-19, du lịch của tỉnh vẫn cố gắng vượt qua thách thức, đạt được kết quả đáng ghi nhận, năm 2021 đón 13,7 nghìn lượt khách, năm 2022 đón 1.231 nghìn lượt khách.

Năm 2023 du lịch của tỉnh đã có những bước phục hồi, phát triển trở lại, toàn tỉnh ước đón 1.801.485 lượt khách, tăng 46,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: trong đó khách quốc tế: 73.782 lượt tăng 45,6% so với năm 2022, khách nội địa 1.727.702 lượt tăng 46,3% so với năm 2022. Doanh thu đạt 861,35 tỷ đồng, tăng 46,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Ước tính 6 tháng năm 2024, toàn tỉnh ước đón trên 1.443.894 lượt khách, tăng 57% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó: khách nội địa đón khoảng 1.405.215 lượt khách, khách quốc tế đón khoảng 38.639 lượt khách. Doanh thu ước đạt 614,74 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ năm 2023.

### ***1.3. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân***

Bên cạnh những kết quả đạt được, du lịch tỉnh Hải Dương vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: tại các khu du lịch trọng điểm đã được quy hoạch, các điểm du

lich còn thiếu nhà đón khách và trưng bày, giới thiệu sản phẩm, chưa có phương tiện vận chuyển khách nội vùng, đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe tại các khu, điểm du lịch còn nhỏ, hẹp, nhà vệ sinh công cộng chưa đạt chuẩn; thiếu các dịch vụ cần thiết tại điểm đến; sản phẩm du lịch chưa rõ nét, chi tiêu của khách du lịch nội địa và quốc tế còn thấp, thời gian lưu trú ngắn...Do đó, chưa thu hút, tạo động lực cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia đầu tư phát triển du lịch, chưa khai thác, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của du lịch tỉnh.

Nguyên nhân chính của vấn đề nêu trên là do nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Thiếu vốn để đầu tư đồng bộ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, phát triển du lịch cộng đồng. Còn thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển các sản phẩm du lịch nên chưa thu hút được các nhà đầu tư và chưa động viên được cộng đồng dân cư làm du lịch.

#### ***1.4. Thực tế một số tỉnh, thành phố trong việc xây dựng ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch***

Để giải quyết những vấn đề hạn chế khó khăn tương tự tỉnh Hải Dương trong phát triển du lịch, nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước đã ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch như:

+ Hỗ trợ xây dựng nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê(homestay): tỉnh Ninh Bình hỗ trợ 100 triệu đồng/công trình xây dựng mới và 50 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo; tỉnh Lai Châu hỗ trợ tối đa 70% kinh phí, không quá 160 triệu đồng/hộ; tỉnh Sơn La 50 triệu đồng/hộ; tỉnh Trà Vinh hỗ trợ 30 triệu đồng/phòng, tối thiểu 2 phòng/hộ, tối đa 5 phòng/hộ; tỉnh Đồng Tháp hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ...

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà đón khách và trưng bày, giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp, nông thôn: tỉnh Bắc Giang hỗ trợ 500 triệu đồng/nhà; tỉnh Quảng Bình: 500 triệu đồng/nhà; tỉnh Hà Giang 100 triệu đồng/nhà, tỉnh Đồng Tháp: 100 triệu đồng/nhà....

+ Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch: tỉnh Bắc Giang 100 triệu đồng/nhà; tỉnh Hà Giang 100 triệu đồng/nhà vệ sinh...

+ Hỗ trợ phương tiện vận chuyển khách du lịch: tỉnh Bắc Giang hỗ trợ 70% kinh phí, không quá 2 tỷ/thuyền, 200 triệu/xe điện....

+ Hỗ trợ làm đường giao thông nội bộ khu, điểm du lịch: tỉnh Bắc Giang hỗ trợ 800 triệu đồng/km, không quá 2 tỷ/khu, điểm; tỉnh Thái Nguyên hỗ trợ 50% kinh phí, không quá 1 tỷ/ khu, điểm du lịch,...

+ Hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe tại khu, điểm du lịch: tỉnh Bắc Giang hỗ trợ 100 triệu đồng/ bãi đỗ xe; tỉnh Bắc Kạn: 100 triệu đồng/bãi đỗ xe....

+ Hỗ trợ thành lập đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng: tỉnh Ninh Bình hỗ trợ 50 triệu đồng/đội; tỉnh Lào Cai: 40 triệu đồng/đội; tỉnh Thái Nguyên 50 triệu đồng/ điểm du lịch,...

**\*Như vậy**, có thể thấy trong bối cảnh nêu trên, để khai thác tốt và phát huy tiềm năng, thế mạnh du lịch của tỉnh, đặc biệt thế mạnh về du lịch văn hóa gắn với di tích lịch sử- văn hóa, cách mạng, lễ hội, văn nghệ dân gian, rất cần thiết để xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch của tỉnh để hỗ trợ kịp thời và tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động đầu tư phát triển du lịch; huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển hạ tầng du lịch, đặc biệt tại các khu du lịch trọng điểm đã được quy hoạch, điểm du lịch đã được Chủ tịch UBND phê duyệt. Những chính sách hỗ trợ kịp thời nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển du lịch của tỉnh đã đề ra, phù hợp với các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với các chương trình, kế hoạch và tình hình thực tế phát triển du lịch hiện nay của tỉnh.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Nhằm hỗ trợ một phần kinh phí đầu xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển du lịch tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê hoặc nâng cấp, cải tạo loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê tại các khu, điểm du lịch.**

### *1.1. Xác định vấn đề bất cập*

Cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh còn chưa phong phú, đồng bộ, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; các hộ gia đình có nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) hoạt động mang nặng tính cá thể, chưa chú trọng nâng cao chất lượng toàn diện, chưa đáp ứng được nhu cầu lưu trú của khách du lịch. Tại các địa phương có tiềm năng, điều kiện phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, nông thôn như xã Chi Lăng Nam (huyện Thanh Miện), các xã: Tân Việt, Cẩm Chế, Liên Mạc, Thanh Xuân, Thanh Thủy, Thanh Xá, Thanh Khê (huyện Thanh Hà); Hoàng Hoa Thám, Bắc An (thành phố Chí Linh); An Thanh, Hà Thanh, Tân Kỳ, Hà Kỳ, Tiên Động, Hưng Đạo, Bình Lãng, Quang Phục (huyện Tứ Kỳ); các phường: An Sinh, Duy Tân (thị xã Kinh Môn)... các hộ dân có điều kiện để phát triển du lịch cộng đồng, kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch nhưng thiếu nguồn vốn để xây dựng mới nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, nhà ở, phòng cho khách du lịch thuê, mua sắm các trang thiết bị thiết yếu phục vụ du lịch, cải tạo cảnh quan.

### *1.2. Mục tiêu của chính sách*

Phát triển du lịch cộng đồng ở các vùng nông thôn nhằm hoàn thiện một số dịch vụ ăn, nghỉ và những chương trình hoạt động trải nghiệm, những “ sân chơi” phù hợp cho du khách, theo đó tăng nguồn thu từ du lịch

Thu hút nguồn kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch để phát triển du lịch cộng đồng; khuyến khích, động viên cộng đồng dân

cur làm du lịch, góp phần xây dựng nông thôn mới; gia tăng dịch vụ lưu trú, lựa chọn cho du khách; tăng thu du lịch, nguồn thu trực tiếp của người dân địa phương, có đóng góp vào sự phát triển ngành du lịch của tỉnh.

### 1.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại khu vực khu, điểm du lịch cộng đồng xây dựng nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê hoặc nâng cấp, cải tạo nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (cải tạo khuôn viên, mua sắm trang thiết bị phục vụ kinh doanh du lịch...)

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100 triệu đồng/công trình xây dựng mới và 50 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo.

### 1.4. Đánh giá tác động

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các hộ gia đình mạnh dạn đầu tư kinh phí xây mới, nâng cấp, cải tạo, mua sắm trang thiết bị, mở rộng quy mô kinh doanh du lịch cộng đồng. Gia tăng các giá trị du lịch giúp tăng thu cho ngân sách, cho người dân và doanh nghiệp. Các khu, điểm du lịch cộng đồng có đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật dịch vụ du lịch theo tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động về mặt giới:* Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

### 1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện hỗ trợ xây dựng mới nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê hoặc nâng cấp, cải tạo nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, phục vụ khách du lịch tại các khu, điểm du lịch nhằm khuyến khích cộng đồng dân cư làm du lịch.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

**2. Chính sách 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà đón khách và trưng bày, giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp, nông thôn phục vụ khách du lịch tại khu, điểm du lịch**

#### 2.1. Xác định vấn đề bất cập

Tỉnh ta có tiềm năng thế mạnh phát triển nông nghiệp với nhiều sản phẩm nông nghiệp OCOP, tiêu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống, ẩm thực đặc sản nổi tiếng, đặc trưng để là món quà quê cho du khách mua về khi ghé thăm

Hải Dương. Tuy nhiên, tại các khu, điểm du lịch, di tích trên địa bàn toàn tỉnh hầu hết chưa có nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp OCOP, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống ... để phục vụ khách du lịch tham quan, trải nghiệm, mua sắm. Rất cần thiết có các nhà đón khách tại các khu, điểm du lịch với đồng thời các chức năng là đón khách và trưng bày, giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp, nông thôn...

## 2.2. Mục tiêu của chính sách

Hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng Nhà đón khách, trưng bày giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp nông thôn để phục vụ khách du lịch tại các khu, điểm du lịch; thông qua đó quảng bá các sản phẩm mang thương hiệu của tỉnh về du lịch, nông nghiệp OCOP, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống, ẩm thực, đặc sản... đến du khách trong và ngoài nước, đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, nông sản, thúc đẩy phát triển sản xuất.

## 2.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng Nhà đón khách, trưng bày giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp sản phẩm nông nghiệp nông thôn để phục vụ khách du lịch tại các khu, điểm du lịch với diện tích xây dựng từ 200m<sup>2</sup> trở lên, có nhà vệ sinh khép kín, có quầy trưng bày giới thiệu sản phẩm, đảm bảo chất lượng khi đưa vào sử dụng.

Mức hỗ trợ: 300 triệu đồng/nhà.

## 2.4. Đánh giá tác động

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh mạnh dạn đầu tư kinh phí xây dựng Nhà đón khách, trưng bày, giới thiệu, quảng bá, mua sắm sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp OCOP, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề phục vụ khách du lịch; từ đó quảng bá thương hiệu các sản phẩm của tỉnh. Việc gia tăng các giá trị du lịch giúp tăng thu cho ngân sách, tăng thu cho người dân và doanh nghiệp. Các khu, điểm du lịch có đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật dịch vụ du lịch theo tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

## 2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện hỗ trợ xây dựng Nhà đón khách, trưng bày giới thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm nông nghiệp nông thôn phục vụ khách du lịch tại các khu, điểm du lịch.



- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

### **3. Chính sách 3: Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại khu, điểm du lịch**

#### *3.1. Xác định vấn đề bất cập*

Các khu, điểm du lịch trên địa bàn toàn tỉnh hầu hết có nhà vệ sinh công cộng, song còn chưa đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; thiếu nguồn vốn để xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, trong đó có xây dựng công trình vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch.

#### *3.2. Mục tiêu của chính sách*

Các khu, điểm du lịch đã được UBND tỉnh công nhận theo Luật Du lịch năm 2017 được đầu tư xây dựng nhà vệ sinh công cộng đáp ứng đủ nhu cầu, đảm bảo hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của khu, điểm du lịch phục vụ khách du lịch.

#### *3.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề*

Căn cứ các tiêu chuẩn, định mức cụ thể để hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng công trình vệ sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn tối thiểu phục vụ khách du lịch.

Mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/nhà vệ sinh công cộng.

#### *3.4. Đánh giá tác động*

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mạnh dạn đầu tư kinh phí xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại khu vực khu, điểm du lịch đạt chuẩn phục vụ khách du lịch. Các khu, điểm du lịch có đầy đủ hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đồng bộ để phục vụ phát triển du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

#### *3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

- Thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn tại các khu, điểm du lịch.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

### **4. Chính sách 4. Hỗ trợ mua sắm phương tiện vận chuyển khách du lịch tại khu, điểm du lịch**

#### *4.1. Xác định vấn đề bất cập*

Các khu, điểm du lịch trên địa bàn toàn tỉnh hầu hết còn thiếu các phương tiện vận chuyển khách du lịch như xe điện, thuyền(đối với khu, điểm du lịch có hồ nước...); doanh nghiệp, hộ kinh doanh thiếu nguồn vốn để đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, mua sắm thuyền, xe điện và các phương tiện vận chuyển khác phục vụ khách du lịch.

#### 4.2. Mục tiêu của chính sách

Các khu, điểm du lịch đã được UBND tỉnh công nhận theo Luật Du lịch năm 2017 được trang bị đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ du lịch; thu hút nguồn kinh phí đầu tư mua sắm cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch.

Đầu tư mua sắm thuyền, xe điện phục vụ khách du lịch đảm bảo điều kiện cho các khu, điểm du lịch mở rộng loại hình kinh doanh, tăng cường thu hút khách du lịch.

#### 4.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Hỗ trợ kinh phí mua sắm thuyền, xe điện phục vụ khách du lịch từ ngân sách cho các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch tại khu, điểm du lịch.

Mức hỗ trợ: 20% kinh phí

a) Đối với hỗ trợ thuyền: Tối đa không quá 100 triệu đồng/thuyền.

b) Đối với hỗ trợ xe điện: Tối đa không quá 30 triệu đồng/ xe.

#### 4.4. Đánh giá tác động

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh mạnh dạn đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị, mở rộng quy mô kinh doanh du lịch, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ tại các khu, điểm du lịch. Gia tăng các giá trị du lịch giúp tăng thu cho ngân sách, tăng thu cho người dân và doanh nghiệp. Các khu, điểm du lịch có đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động về mặt giới:* Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

## **5. Chính sách 5. Hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, phường rối nước, đội pháo đất tại các khu, điểm du lịch để phục vụ khách du lịch**

### *5.1 Xác định vấn đề bất cập*

Vấn đề sản phẩm du lịch của tỉnh còn thiếu các yếu tố văn hóa đan xen, trong khi tỉnh Hải Dương có hệ thống di sản văn hóa phi vật thể (như hát chèo, ca trù, hát trầu văn, nghệ thuật rối nước, trò chơi dân gian pháo đất... ) rất có giá trị, có thể khai thác phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước, qua đó bảo tồn và phát huy được các giá trị này.

### *5.2. Mục tiêu của chính sách*

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tăng tính trải nghiệm cho khách du lịch, giới thiệu nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc tới du khách trong và ngoài nước, tăng tính hấp dẫn của các tour du lịch.

Xây dựng các khu, điểm du lịch với các sản phẩm dịch vụ mang tính đặc sắc của từng địa phương, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của du khách, nâng cao giá trị, tăng thu nhập cho người dân.

### *5.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề*

Hỗ trợ khai thác và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, khôi phục các hoạt động văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật truyền thống trong hoạt động phục vụ khách du lịch nhằm mục đích phát triển du lịch.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50 triệu đồng

cho việc mua đạo cụ, nhạc cụ, dụng cụ, trang thiết bị, vật tư, nguyên liệu của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, phường rối nước, đội pháo đất tại các địa phương có khu, điểm du lịch để hoạt động phục vụ khách du lịch.

### *5.4. Đánh giá tác động*

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các việc thành lập và duy trì hoạt động của các đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, phường rối nước, đội pháo đất... phục vụ du khách, nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương, gia tăng giá trị sản phẩm du lịch. Thu hút nhiều du khách đến khu, điểm du lịch, giúp tăng thu cho ngân sách, tăng thu cho người dân và doanh nghiệp.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp tạo nên sinh kế bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần người dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể; xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nâng cao.

- *Tác động về mặt giới:* Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, không tác động đối với hệ thống pháp luật.

### 5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện công tác biểu diễn nghệ thuật truyền thống nhằm bảo tồn văn hóa phi vật thể của nhân loại, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xúc tiến quảng bá du lịch; xây dựng thương hiệu du lịch Hải Dương.

- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

## 6. Chính sách 6. Hỗ trợ làm đường giao thông nội bộ tại khu vực khu, điểm du lịch

### 6.1. Xác định vấn đề bất cập

Hệ thống giao thông nội bộ tại các khu, điểm du lịch hầu hết nhỏ, hẹp, chưa được đầu tư cơ bản, khó khăn cho phát triển du lịch; doanh nghiệp, hộ kinh doanh thiếu vốn đầu tư cho xây dựng hệ thống hạ tầng điểm du lịch, trong đó có đường giao thông nội bộ.

### 6.2. Mục tiêu của chính sách

Hỗ trợ các khu, điểm du lịch đã được UBND tỉnh công nhận theo Luật Du lịch năm 2017 xây dựng hệ thống đường giao thông kết nối thuận tiện, hệ thống đường giao thông nội bộ kiên cố, sạch sẽ, đảm bảo phục vụ nhu cầu di chuyển, phục vụ phát triển du lịch. Đầu tư hệ thống đường giao thông nội bộ trong khu vực khu, điểm du lịch đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ phát triển du lịch các khu, điểm du lịch.

### 6.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông nội bộ trong khu vực khu, điểm du lịch.

Mức hỗ trợ:

- Đường bê tông xi măng: 600 triệu đồng/km;
- Đường nhựa: 350 triệu đồng/km.

### 6.4. Đánh giá tác động

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân mạnh dạn đầu tư kinh phí xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng tạo điều kiện tốt nhất phát triển du lịch. Gia tăng các giá trị du lịch giúp tăng thu cho ngân sách, tăng thu cho người dân và doanh nghiệp. Các khu, điểm du lịch có đầy đủ hệ thống hạ tầng cơ bản, đồng bộ để phục vụ phát triển du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

#### 6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện xây dựng đường giao thông nội bộ trong khu vực khu, điểm du lịch.
- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

### 7. Chính sách 7. Hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe tại khu vực khu, điểm du lịch

#### 7.1. Xác định vấn đề bất cập

Bãi đỗ xe tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh còn thiếu, chưa đảm bảo đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch; tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh thiếu nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật khu, điểm du lịch.

#### 7.2. Mục tiêu của chính sách

Hỗ trợ các khu, điểm du lịch đã được UBND tỉnh công nhận theo Luật Du lịch năm 2017 xây dựng bãi đỗ xe trong khu vực khu, điểm du lịch đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ phát triển du lịch các khu, điểm du lịch.

#### 7.3. Giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

Hỗ trợ đầu tư xây dựng bãi đỗ xe trong khu vực khu, điểm du lịch.

Mức hỗ trợ:

- Mặt bê tông xi măng: 85 triệu đồng/bãi đỗ xe;
- Mặt nhựa: 50 triệu đồng/bãi đỗ xe.

#### 7.4. Đánh giá tác động

- *Tác động về kinh tế:* Thực hiện được chính sách trên sẽ khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh mạnh dạn đầu tư kinh phí xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng tạo điều kiện tốt nhất phát triển du lịch. Gia tăng các giá trị du lịch giúp tăng thu cho ngân sách, tăng thu cho người dân và doanh nghiệp. Các khu, điểm du lịch có đầy đủ hệ thống hạ tầng cơ bản, đồng bộ để phục vụ phát triển du lịch.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp cho đời sống vật chất tinh thần người dân được nâng cao, quan hệ xã hội của cộng đồng được mở rộng, tiếp thu các giá trị xã hội mà du lịch mang lại.

- *Tác động thủ tục hành chính:* Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Việc xây dựng chính sách này đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, không dẫn đến tác động đối với hệ thống pháp luật.

#### 7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Thực hiện xây dựng đường giao thông nội bộ trong khu vực khu, điểm du lịch.
- Thẩm quyền ban hành chính sách là HĐND tỉnh.

### **8. Kinh phí**

Từ nguồn kinh phí sự nghiệp, ngân sách tỉnh và các nguồn huy động, đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức cá nhân và cộng đồng dân cư.

Dự kiến tổng nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ cho 07 chính sách giai đoạn 2025 - 2030 là: 56.095.000.000 đồng (*Năm mươi sáu tỉ, không trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

## **IV. Ý KIẾN THAM VẤN**

Trên cơ sở những đánh giá trên, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức lấy ý kiến đối với nội dung, giải pháp hỗ trợ, những tác động các chính sách mà dự thảo Nghị quyết đưa ra, thời gian áp dụng Nghị quyết giai đoạn 2025 - 2030.

## **V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện chính sách.

2. UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chính sách, cụ thể:

### *2.1. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch*

- Tuyên truyền chính sách đến các đối tượng và các tổ chức cá nhân biết để triển khai thực hiện.

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển du lịch cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển du lịch trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Tài chính cấp phát, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tại quy định này theo đúng quy định.

- Thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh, điểm du lịch theo quy định của Luật Du lịch năm 2017.

### *2.2. Sở Tài chính*

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tại quy định này trong dự toán chi đầu tư công hàng năm.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển du lịch trình UBND tỉnh phê duyệt.

Hướng dẫn Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc cấp phát, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo đúng quy định.

*2.3. Sở Giao thông vận tải:* thẩm định, cấp đăng kiểm phương tiện vận chuyển khách du lịch theo quy định.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển du lịch trình UBND tỉnh phê duyệt.

*2.4. Sở Xây dựng:* thẩm định, cấp giấy phép xây dựng theo quy định.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển du lịch trình UBND tỉnh phê duyệt.

*2.5. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan có liên quan khác* theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển du lịch trình UBND tỉnh phê duyệt.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2025-2030./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Minh Hùng (để báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Thành viên Tổ soạn thảo VBQPPL Sở;
- Các phòng QLNN thuộc Sở;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLDD.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Vũ Đình Tiến**

**PHỤ LỤC I****Các văn bản là căn cứ để xây dựng nội dung Nghị quyết**

<b>STT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Thời gian ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>		
1	Luật Tổ chức chính quyền địa phương	Ngày 19/6/2015	
2	Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương	Ngày 22/11/2019	
3	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày	Ngày 22/6/2015	
4	Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Ngày 18/6/2020	
5	Luật Ngân sách Nhà nước	Ngày 25/6/2015	
6	Luật Du lịch	Ngày 19/6/2017	
7	Luật Nhà ở	Ngày 25/11/2014	
8	Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14	Ngày 13/6/2019	
9	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14	Ngày 21/6/2017	
10	Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước	Ngày 25/11/2014	
11	Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch	Ngày 31/12/2017	
12	Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Ngày 12/8/2022	
13	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7800:2017 về Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê được công bố tại Quyết định số 3990/QĐ-BKHHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Ngày 29/12/2017	
14	tại Quyết định số 225/QĐ-TCDL ngày 08/5/2012 của Tổng cục Du lịch ban hành quy định tạm thời về tiêu chuẩn nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch	Ngày 08/5/2012	
15	Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 8/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động của nhà văn hóa - khu thể thao thôn	Ngày 8/3/2011	
<b>II</b>	<b>Chủ trương, chính sách</b>		



16	Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam		
17	Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn	Ngày 16/01/2017	
18	Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn	Ngày 06/10/2017	
19	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025		
20	Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025	Ngày 09/12/2020	
<b>III</b>	<b>Định hướng phát triển</b>		
21	Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”	Ngày 30/12/2011	
22	Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”	Ngày 22/01/2013	
23	Quyết định số 2163/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020”	Ngày 11/11/2013	
24	Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030	Ngày 22/01/2020	
25	Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Ngày 02/8/2022	
26	Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Ngày 19/01/2023	
27	Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt “Đề án Phát triển Du lịch chất lượng cao tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”	Ngày 30/9/2021	

28	Kế hoạch hành động số 2391/KH-UBND ngày 05/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ phê duyệt về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững	Ngày 05/7/2023	
29	Kế hoạch số 4579/KH-UBND ngày 30/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023-2025	Ngày 30/11/2023	

**PHỤ LỤC II****Danh sách các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh**

<b>STT</b>	<b>Tên hộ kinh doanh</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Đức Lê	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
2	Nguyễn Đăng Thắng	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
3	Nguyễn Đăng Nghĩa	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
4	Nguyễn Đức Hiều	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
5	Nguyễn Đăng Dân	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
6	Nguyễn Đăng Ngu	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
7	Nguyễn Đăng Đài	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
8	Nguyễn Đăng Nghị	xóm 1 thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
9	Vũ Văn Phong	Thôn Triều Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
10	Đỗ Thị Lánh	Xã , xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
11	Lê Quang Phước	Xã , xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
12	Nguyễn Văn Dũng	Thôn Kim Đậu, xã Lạc Long, Kinh Môn	Tiệm Nhà Dũng quê
13	Phạm Thị Liêm	Xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà	Khu du lịch sinh

			thái Đồng Mẫn
14	Dương Văn Nam	Xã Liêm Mạc, huyện Thanh Hà	Khu trải nghiệm nông trại hàng nông sản sạch Nam Vũ
15	Mai Xuân Thịnh	Phố Nguyễn Chế Nghĩa, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hữu cơ HD- GREEN

**PHỤ LỤC III****Các xã, phường có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp sinh thái**

<b>STT</b>	<b>Địa phương có tiềm năng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	
2	Phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh	
3	Xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh	
4	Xã Bắc An, thành phố Chí Linh	
5	Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn	
6	Phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn	
7	Phường Tân Dân, thị xã Kinh Môn	
8	Phường An Sinh, thị xã Kinh Môn	
9	Xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ	
10	Xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ	
11	Xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	
12	Xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ	
13	Xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ	
14	Xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ	
15	Xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ	
16	Xã Bình Lãng, huyện Tứ Kỳ	
17	Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ	
18	Xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang	
19	Xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang	

20	Xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang	
21	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang	
22	Thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Hà	Du lịch sinh thái Sông Hương
23	Xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà	
24	Xã Tân Việt, huyện Thanh Hà	
25	Xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà	
26	Xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà	
27	Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà	
28	Xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà	
29	Xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà	
30	Xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà	
31	Xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà	
32	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà	
33	Xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	
35	Xã Nam Tân, huyện Nam Sách	
36	Xã Kim Đính, huyện Kim Thành	
37	Xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng	

## PHỤ LỤC IV

Các khu, điểm du lịch đã được công nhận trên địa bàn tỉnh

STT	Tên khu, điểm du lịch	Loại hình		Tên đơn vị quản lý	Địa chỉ và số điện thoại giao dịch	Tên đơn vị chủ quản	Ghi chú
		Khu DL cấp tỉnh	Điểm DL				
1	Khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc	Quyết định số 3854/QĐ-UBND ngày 01/11/2019		Ban quản lý Di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc	Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương ĐT:02203882400	Sở VH-TTDL Hải Dương	
2	Di tích lịch sử và thắng cảnh Phụng Hoàng	Quyết định số 4291/QĐ-UBND ngày 05/12/2019		Ban quản lý Di tích TP Chí Linh	Phường Văn An, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương ĐT:02203882284	UBND thành phố Chí Linh	
3	Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quần thể Đền Cao	Quyết định số 4290/QĐ-UBND ngày 05/12/2019		Ban quản lý Di tích TP Chí Linh	Phường An Lạc, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương ĐT:02203882284	UBND thành phố Chí Linh	
4	Quần thể di tích lịch sử An Phụ, Kính Chủ, Nhâm Dương	Quyết định số 2144/QĐ-UBND ngày 02/8/2021		Ban quản lý Di tích thị xã Kinh Môn	Phường An Sinh, phường Phạm Thái, phường Duy Tân - thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	UBND thị xã Kinh Môn	
5	Di tích quốc gia Danh lam thắng cảnh Đảo Cò	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 20/6/2024		UBND xã Chi Lăng Nam	Thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	UBND xã Chi Lăng Nam	

STT	Tên khu, điểm du lịch	Loại hình		Tên đơn vị quản lý	Địa chỉ và số điện thoại giao dịch	Tên đơn vị chủ quản	Ghi chú
		Khu DL cấp tỉnh	Điểm DL				
6	Di tích kiến trúc nghệ thuật Đền Sinh – Đền Hóa		Quyết định số 4292/QĐ-UBND ngày 05/12/2019	Ban quản lý Di tích TP Chí Linh	Xã Lê Lợi, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương ĐT:02203882284	UBND thành phố Chí Linh	
7	Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh		Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	UBND xã Nam Chính	Xã Nam Chính, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ĐT:0973637666	UBND huyện Nam Sách	
8	Di tích chùa Trăm Gian		Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	Ban quản lý Di tích xã An Bình	Xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203794218	UBND huyện Nam Sách	
9	Cụm di tích đình Đâu – Nhà bia thành lập Tỉnh ủy – Phủ ủy Nam Sách		Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	UBND Xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ĐT: 0372605063	UBND huyện Nam Sách	
10	Làng nghề Gốm Chu Đậu		Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	UBND xã Thái Tân	Xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ĐT: 0987338390	UBND huyện Nam Sách	
11	Di tích đền Long Động		Quyết định 3019/QĐ-UBND	UBND xã Nam Tân	Xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải	UBND huyện Nam Sách	



STT	Tên khu, điểm du lịch	Loại hình		Tên đơn vị quản lý	Địa chỉ và số điện thoại giao dịch	Tên đơn vị chủ quản	Ghi chú
		Khu DL cấp tỉnh	Điểm DL				
			ngày 28/8/2019		Dương ĐT:02203750283		
12	Bảo tàng Hải Dương		Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	Bảo tàng tỉnh	Phường Nguyễn Trãi, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sở VH TTDL Hải Dương	
13	Di tích lịch sử - văn hóa- Đền - Đình Sượt		Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	UBND phường Thanh Bình	Phường Thanh Bình, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	UBND thành phố Hải Dương,	
14	Di tích chùa Đồng Ngọ và Miếu -đình Cặp Nhất		Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	UBND xã Tiên Tiên	Xã Tiên Tiên, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	UBND thành phố Hải Dương	
15	Di tích lịch sử, văn hóa đình – đền Lạc Dục		Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	UBND xã Hưng Đạo	Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	UBND huyện Tứ Kỳ	
16	Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đền Tranh		Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	UBND xã Đồng Tâm	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	UBND huyện Ninh Giang	
17	Di tích lịch sử - văn hóa đình Trịnh Xuyên		Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	UBND xã Nghĩa An	Xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	UBND huyện Ninh Giang	
18	Phường Rối nước Hồng		Quyết định số	UBND xã Hồng	Xã Hồng Phong, huyện	UBND huyện	

STT	Tên khu, điểm du lịch	Loại hình		Tên đơn vị quản lý	Địa chỉ và số điện thoại giao dịch	Tên đơn vị chủ quản	Ghi chú
		Khu DL cấp tỉnh	Điểm DL				
	Phong		3111/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	Phong	Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Ninh Giang	

**PHỤ LỤC V**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU TỔ HỢP SINH THÁI, DU LỊCH NGHỈ**  
**DƯỠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(theo Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng*  
*Chính phủ)*

<b>STT</b>	<b>Khu du lịch</b>	<b>Vị trí dự kiến</b>
1	Khu du lịch Đảo Ngọc	Thành phố Hải Dương
2	Khu di tích quốc gia đặc biệt Côn Sơn - Kiếp Bạc (hình thành khu du lịch quốc gia)	Thành phố Chí Linh
3	Khu du lịch sinh thái hồ Thanh Long	Thành phố Chí Linh
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí gắn với đô thị hồ Bến Tắm	Thành phố Chí Linh
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí Cồn Vĩnh Trụ	Thành phố Chí Linh
6	Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Đập Viễn	Thành phố Chí Linh
7	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nông nghiệp công nghệ cao (du lịch dưới tán rừng)	Thành phố Chí Linh
8	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với quần thể di tích chùa Thanh Mai	Thành phố Chí Linh
9	Làng du lịch thôn Thanh Mai gắn với vùng trồng hoa	Thành phố Chí Linh
10	Phát triển các bến thuyền phục vụ du lịch	Thành phố Chí Linh
11	Khu du lịch Quốc gia đặc biệt An Phụ - Kính Chủ - Nhâm Dương	Thị xã Kinh Môn

12	Khu du lịch làng nghề truyền thống gỗ Đông Giao	Huyện Cẩm Giàng
13	Khu du lịch nông nghiệp sinh thái An Thanh	Huyện Tứ Kỳ
14	Khu du lịch văn hóa gồm Chu Đậu	Huyện Nam Sách
15	Khu du lịch sinh thái Đảo Cò	Huyện Thanh Miện
16	Khu du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch nông nghiệp và làng nghề truyền thống huyện Ninh Giang	Huyện Ninh Giang
17	Khu du lịch sinh thái Sông Hương	Huyện Thanh Hà
18	Khu du lịch dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng và sân golf Bãi Sỏi	Huyện Tứ Kỳ, huyện Thanh Hà

**PHỤ LỤC VI****Danh sách các làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận**

<b>TT</b>	<b>Tên làng</b>	<b>Làng nghề</b>	<b>Làng nghề truyền thống</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Năm công nhận</b>
<b>I</b>	<b>HUYỆN CẨM GIÀNG (04)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
1	Làng gỗ mỹ nghệ Đông Giao		x	Thôn Đông Giao, Lương Điền, Cẩm Giàng	2004
2	Làng nghề rượu Phú Lộc		x	Thôn Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, Cẩm Giàng	2004
3	Làng nghề gỗ mỹ nghệ và dân dụng Ngọc Quyết	x		Ngọc Quyết, Ngọc Liên, Cẩm Giàng	2013
4	Làng nghề mộc dân dụng Lê Xá	x		Lê Xá-Cẩm Phúc, Cẩm Giàng	2010
<b>II</b>	<b>HUYỆN TỨ KỶ (11)</b>	<b>4</b>	<b>7</b>		
1	Làng nghề mộc An Lại	x		Thôn An Lại - Dân Chủ, Tứ Kỳ	2011
2	Làng nghề mộc, rèn Kiên Tân	x		Thôn Kiên Tân-Quảng Nghiệp, Tứ Kỳ	2011
3	Làng thêu ren La Xá		x	Thôn La Xá - Dân Chủ, Tứ Kỳ	2011
4	Làng nghề chiếu cói Thanh Kỳ		x	Thôn Thanh Kỳ - An Thanh, Tứ Kỳ	2004
5	Làng nghề đan mây, tre, nứa thôn An Nhân		x	Thôn An Nhân - TT Tứ Kỳ, Tứ Kỳ	2004
6	Làng nghề thêu ren Xuân Nẻo		x	Thôn Xuân Nẻo - Hưng Đạo, Tứ Kỳ	2004
7	Làng nghề thêu ren Ô Mễ		x	Thôn Ô Mễ - Hưng Đạo, Tứ Kỳ	2004
8	Làng nghề thêu ren Nhũ Tinh		x	Thôn Nhũ Tinh - Quang Khải, Tứ Kỳ	2004
9	Làng nghề thêu ren Lạc Dục	x		Thôn Lạc Dục - Hưng Đạo, Tứ Kỳ	2007

TT	Tên làng	Làng nghề	Làng nghề	Địa chỉ	Năm công nhận
10	Làng nghề thêu ren Nghi Khê		x	Thôn Nghi Khê - Tân Kỳ, Tứ Kỳ	2007
11	Làng nghề mộc, thêu ren Đồng Bình	x		Thôn Đồng Bình - Dân Chủ, Tứ Kỳ	2010
<b>III</b>	<b>HUYỆN THANH HÀ (02)</b>				
1	Làng nghề chiếu cói Tiên Kiều		x	Thôn Tiên Kiều - Thanh Hồng, Thanh Hà	2006
2	Làng nghề chiếu cói Nhan Bàu		x	Thôn Nhan Bàu - Thanh Hồng, Thanh Hà	2010
<b>IV</b>	<b>HUYỆN THANH MIỆN (07)</b>				
1	Làng mây giang xiên-bánh đa Tào Khê	x		Thôn Tào Khê, xã Chi Lăng Bắc, Thanh Miện	2006
2	Làng làm thùng rọ Nại Trì		x	Thôn Nại Trì, xã Ngũ Hùng, Thanh Miện	2004
3	Làng bánh đa Hội Yên		x	Thôn Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, Thanh Miện	2004
4	Làng đan tre Đan Giáp		x	Thôn Đan Giáp, xã Thanh Giang, Thanh Miện	2004
5	Làng mây giang xiên-bánh đa Đào Lâm	x		Thôn Đào Lâm, xã Đoàn Tùng, Thanh Miện	2006
6	Làng thêu tranh, móc sợi An Dương	x		Xã Chi Lăng Nam, Thanh Miện	2008
7	Làng ghép trúc, thêu tranh La Ngoại	x		Xã Ngũ Hùng, Thanh Miện	2008
<b>V</b>	<b>HUYỆN KIM THÀNH (02)</b>				
1	Làng nghề làm hương truyền thống Dưỡng Thái Bắc		x	Thôn Dưỡng Thái Bắc, Phúc Thành, Kim Thành	2006
2	Làng nghề mộc thôn Bắc	x		Thôn Bắc, xã Cổ Dũng, Kim Thành	2008
<b>VI</b>	<b>HUYỆN NAM SÁCH (08)</b>				
1	Làng nghề làm hương thôn Tống Xá	x		Thôn Tống Xá-Thanh Quang, Nam Sách	2018

TT	Tên làng	Làng nghề	Làng nghề	Địa chỉ	Năm công nhận
2	Làng nghề Gốm Chu Đậu		x	Thôn Chu Đậu-Thái Tân, Nam Sách	2015
3	Làng nghề sản xuất chế biến nông sản Mạn Đê	x		Thôn Mạn Đê- Nam Trung, Nam Sách	2003
4	Làng nghề mộc Ngô Đồng	x		Thôn Ngô Đồng- Nam Hưng, Nam Sách	2011
5	Làng nghề trồng hoa, cây cảnh Phù Liễn	x		Thôn Phù Liễn-Hồng Phong, Nam Sách	2019
6	Làng nghề đan tre, làm hương thôn An Xá	x		Thôn An Xá-Quốc Tuấn, Nam Sách	2004
7	Làng nghề làm hương truyền thống thôn Trục Trì		x	Thôn Trục Trì- Quốc Tuấn, Nam Sách	2008
8	Làng nghề làm hương thơm truyền thống thôn Đông Thôn		x	Thôn Đông Thôn- Quốc Tuấn, Nam Sách	2010
<b>VII</b>	<b>HUYỆN BÌNH GIANG (09)</b>				
1	Làng nghề cơ khí Tráng Liệt	x		Thị trấn Kê Sắt, Bình Giang	2004
2	Làng nghề vàng bạc Châu Khê		x	xã Thúc Kháng, Bình Giang	2004
3	Làng nghề Mộc thôn Trại Như	x		xã Bình Xuyên, Bình Giang	2007
4	Làng nghề gốm sứ Cậy		x	xã Long Xuyên, Bình Giang	2008
5	Làng nghề Lược Vạc		x	xã Thái Học, Bình Giang	2008
6	Làng nghề Mộc thôn Phương Độ		x	xã Vĩnh Hưng, Bình Giang	2008
7	Làng nghề chế tác vàng bạc Lương Ngọc	x		xã Thúc Kháng, Bình Giang	2010
8	Làng nghề mộc Ngọc Mai	x		xã Vĩnh Hưng, Bình Giang	2013
9	Làng nghề chổi chít Lý Đỏ	x		xã Tân Việt, Bình Giang	2015
<b>VIII</b>	<b>THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG (03)</b>				
1	Làng bánh đa Lộ Cương		x	Phường Tứ Minh, TP.	2006

TT	Tên làng	Làng nghề	Làng nghề	Địa chỉ	Năm công nhận
				Hải Dương	
2	Làng mộc Nguyễn Xá	x		Phường Thạch Khê, TP. Hải Dương	2006
3	Làng mộc Đức Minh		x	Phường Thanh Bình, TP. Hải Dương	2004
<b>IX</b>	<b>HUYỆN NINH GIANG (02)</b>				
1	Làng nghề mộc Cúc Bồ		x	Thôn Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang	2004
2	Làng nghề nấu rượu, thêu ren xã Văn Giang	x		Xã Văn Hội, huyện Ninh Giang	2007
<b>X</b>	<b>THỊ XÃ KINH MÔN (04)</b>				
1	Làng CBNS thực phẩm Tổng Buồng	x		KDC Tổng Buồng - Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn	2007
2	Làng CBTP An Thủy	x		KDC An Thủy - Hiến Thành, thị xã Kinh Môn	2006
3	Làng trạm khắc đá Dương Nham		x	KDC Dương Nham - Phạm Mệnh, thị xã Kinh Môn	2008
4	Làng uơng tơ Hà Tràng		x	KDC Hà Tràng - Thăng Long, thị xã Kinh Môn	2004
<b>XI</b>	<b>THÀNH PHỐ CHÍ LINH (03)</b>				
1	Làng sản xuất chổi chít Mật Sơn	x		P. Chí Minh, thành phố Chí Linh	2007
2	Làng SXVLXD không nung Trại Mới	x		P. Văn An, thành phố Chí Linh	2007
3	Làng SXVLXD không nung Làng Tường	x		P. Văn An, thành phố Chí Linh	2007
<b>XII</b>	<b>HUYỆN GIA LỘC (11)</b>				
1	Làng giấy da Nghĩa Hy		x	Xã Hoàng Diệu, Gia Lộc	2004
2	Làng giấy da Phong Lâm		x	Xã Hoàng Diệu, Gia Lộc	2004
3	Làng đan mây tre Chằm		x	Xã Phương Hưng, Gia Lộc	2004
4	Làng bún Đông Cạn		x	Xã Tân Tiến, Gia Lộc	2004



<b>TT</b>	<b>Tên làng</b>	<b>Làng nghề</b>	<b>Làng nghề</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Năm công lập</b>
5	Làng bún Tam Dương		x	Xã Tân Tiến, Gia Lộc	2004
6	Làng giấy da Trúc Lâm		x	Xã Hoàng Diệu, Gia Lộc	2006
7	Làng giấy da Văn Lâm		x	Xã Hoàng Diệu, Gia Lộc	2006
8	Làng mộc, thêu ren Làng Gạch	x		Xã Gia Hoà, huyện Gia Lộc	2007
9	Làng rèn, thêu ren Đồng Tái		x	Xã Thống Kênh, Gia Lộc	2008
10	Làng mộc Đức Đại	x		Thị trấn Gia Lộc, Gia Lộc	2013
11	Làng gò tôn thôn Ngà	x		Xã Phương Hưng, Gia Lộc	2013
	<b>TỔNG CỘNG (66)</b>	<b>32</b>	<b>34</b>		

**PHỤ LỤC VII****Các đội pháo đất, phường rối nước**

<b>STT</b>	<b>Tên đội</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Đội pháo đất</b>		
1	Tân Hương	Xã Tân Hương, huyện Ninh Giang	
2	Tân Quang	Xã Tân Quang, huyện Ninh Giang	
3	Nghĩa An	Xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang	
4	Đức Xương	Xã Đức Xương, huyện Gia Lộc	
5	Minh Đức	Xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	
6	Đại Hợp	Xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ	
7	Quang Khải	Xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ	
<b>II</b>	<b>Phường rối nước</b>		
1	Xã Hồng Phong	Huyện Ninh Giang	
2	Xã Thanh Hải	Huyện Thanh Hà	
3	Xã Lê Lợi	Huyện Gia Lộc	

**PHỤ LỤC VIII**  
**Số lượng và trình độ lao động trong ngành du lịch tỉnh Hải Dương giai đoạn**  
**2021-2023**

<b>STT</b>	<b>Năm</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Tổng số lao động</b>	<b>13.450</b>	<b>13.995</b>	<b>14.974</b>	
<i>1.1</i>	<i>Lao động gián tiếp</i>	10.135	10.545	11.283	
<i>1.2</i>	<i>Lao động trực tiếp:</i>				
2	Đại học, trên ĐH	638	682	729	
3	Cao đẳng, trung cấp	1.465	1.567	1.676	
4	Dưới trung cấp	967	1.034	1.106	
5	Lao động chưa qua đào tạo	245	262	280	

**PHỤ LỤC IX**

**DANH SÁCH CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH TỈNH HẢI DƯƠNG**

<b>STT</b>	<b>TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ</b>	<b>ĐỊA CHỈ</b>	<b>HẠNG</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH</b>	<b>SỐ PHÒNG</b>
1	Khách sạn Nam Cường Hải Dương	Số 1, đại lộ Võ Nguyên Giáp, thành phố Hải Dương	4 sao	252/QĐ-TCDL	181
2	Khách sạn Trường Thành	Số 2, đường Thanh Niên, thành phố Hải Dương	3 sao	219/QĐ-SVHTTDL	138
3	Khách sạn Hữu Nghị	Số 26, phố Đoàn Kết, thành phố Hải Dương	3 sao	609/QĐ-SVHTTDL	50
4	Khách sạn Purple Lotus	Số 232, đường Trường Chinh, Tân Bình, thành phố Hải Dương	3 sao	115/QĐ-SVHTTDL	51
5	Khách sạn Kim Bảo	Số 16, phố Vương Chiêu, thành phố Hải Dương	3 sao	388/QĐ-SVHTTDL	67
6	Khách sạn Đồng Xanh	Số 48, phố Nguyễn Hữu Cầu, thành phố Hải Dương	2 sao	143/QĐ-SVHTTDL	34
7	Khách sạn Kim Sơn	Số 10, phố Đoàn kết, thành phố Hải Dương	2 sao	580/QĐ-SVHTTDL	45
8	Khách sạn TOP	Số 12A, phố Đoàn Kết, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		25
9	Khách sạn Tiên Thành	Số 364, đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn,		38

STT	TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ	ĐỊA CHỈ	HẠNG	QUYẾT ĐỊNH	SỐ PHÒNG
			chưa công nhận		
10	Khách sạn Phương Nguyên	Km52+950 khu 2, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương	2 sao	28/QĐ-SVHTTDL	32
11	Khách sạn Nam Anh	Số 1A15, phố Đoàn Kết, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	309/QĐ-SVHTTDL	26
12	Khách sạn Âu Cơ	Số 1A, phố Nguyễn Hữu Cầu, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	754/TB-SVHTTDL	29
13	Khách sạn Hoàng Gia	Số 114, phố Đoàn Kết, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	700/TB-SVHTTDL	30
14	Khách sạn 555 Hương Nguyên	Ngã Tư bến Hàn, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		35
15	Khách sạn ASEAN	Số 168, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	694/TB-SVHTTDL	55
16	Khách sạn 168 hotel	Số 6, phố Nguyễn Tri Phương, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	970/TB-SVHTTDL	20
17	Khách sạn Hải Khánh	Số 100, phố Hàm Nghi, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		30

<b>STT</b>	<b>TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ</b>	<b>ĐỊA CHỈ</b>	<b>HẠNG</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH</b>	<b>SỐ PHÒNG</b>
18	Khách sạn Tùng Lâm	Số 227, đường An Định, thành phố Hải Dương	1 sao	141/QĐ-SVHTTDL	28
19	Khách sạn MIO Hotel	Số 3, Ngõ 118, phố Ngô Sỹ Liên, Tứ Minh, thành phố Hải Dương	1 sao	387/QĐ-SVHTTDL	10
20	Khách sạn Phan Anh	Số 1, phố Nguyễn Hữu Cầu, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	691/TB-SVHTTDL	20
21	Khách sạn Hoàng Nguyên	Số 444, đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	702/TB-SVHTTDL	11
22	Khách sạn Phương Đông	Km 4, đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	693/TB-SVHTTDL	32
23	Khách sạn Phương Anh	Số 316-318, đường Ngô Quyền, Tân Bình, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	690/TB-SVHTTDL	38
24	Khách sạn Phương Anh 2	Số 386 đường Trường Chinh, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	692/TB-SVHTTDL	34
25	Khách sạn Hoàng Ngân	Số 84, phố Đoàn Kết, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	703/TB-SVHTTDL	18
26	Khách sạn Hải Dương	Khu 15, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	705/TB-SVHTTDL	25
27	Khách sạn Đông Hưng	Khu 4, đường An Lạc, Khu 4, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương	CSLTDL được công nhận	1052/TB-SVHTTDL	32

<b>STT</b>	<b>TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ</b>	<b>ĐỊA CHỈ</b>	<b>HẠNG</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH</b>	<b>SỐ PHÒNG</b>
28	Khách sạn Lake side	Số 47, đường Đoàn Kết, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		29
29	Khách sạn Quang Vinh	Số 40, phố Đoàn Kết, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		29
30	Khách sạn Duy Anh	Số 19, đường Vũ Văn Dũng, Quang Trung, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		35
31	Khách sạn Vương Anh	Số 9, ngõ 60, đường Quán Thánh, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		25
32	Khách sạn Hải Dương Gadern	Số 54, đường Đỗ Ngọc Du, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		63
33	Khách sạn Trường An	Khu 12, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		30
34	Khách sạn Kiên Cường	Số 112, đường Bạch Năng Thi, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		18
35	Khách sạn Thanh Bình	Số 139, đường Ngô Quyền- Tân	CSLTDL đạt tiêu chuẩn,		21

<b>STT</b>	<b>TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ</b>	<b>ĐỊA CHỈ</b>	<b>HẠNG</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH</b>	<b>SỐ PHÒNG</b>
		Bình, thành phố Hải Dương	chưa công nhận		
36	Khách sạn Hoa Hồng	Số 6, đường Hồng Quang, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		43
37	Khách sạn Sông Lô	Số 281, đường Bùi Thị Xuân, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		35
38	Khách sạn Lotus hotel	Số 447, đường Trường Chinh, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		10
39	Khách sạn Thanh Bình	Số 33, đường Trần Liễu, Phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		15
40	Khách sạn Sun hotel	Số 31/1, khu đô thị Thiên Phú, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		15
41	Khách sạn Công Đoàn Hải Dương	Số 107B, phố Chi Lăng, thành phố Hải Dương	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		40
42	Khách sạn Sao Đỏ	Số 119, đường Nguyễn Trãi 1, Sao Đỏ, thành phố Chí Linh	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		50



STT	TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ	ĐỊA CHỈ	HẠNG	QUYẾT ĐỊNH	SỐ PHÒNG
43	Khách sạn Queen Hotel	Số 45, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		18
44	Khách sạn Thanh Bình	Khu dân cư Chúc Thôn, phường, Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		19
45	Khách sạn Duyên Hải	Khu dân cư Lôi Động, phường, Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	CSLTDL được công nhận	67/TB-SVHTTDL	36
46	Khách sạn Huy Hoàng 1	Khu dân cư Lôi Động, phường, Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		19
47	Khách sạn Huy Hoàng 3	Khu dân cư Lôi Động, phường, Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		19
48	Khách sạn Bảo Minh	Khu dân cư Lôi Động, phường, Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		23
49	Khách sạn Thảo Nguyên	Khu dân cư Lôi Động, phường, Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		20
50	Khách sạn Phương Lâm	Khu dân cư Chi Ngãi 2, phường, Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	CSLTDL đạt tiêu chuẩn,		10

STT	TÊN CƠ SỞ LƯU TRÚ	ĐỊA CHỈ	HẠNG	QUYẾT ĐỊNH	SỐ PHÒNG
			chưa công nhận		
51	Khách sạn Lan Anh	Khu dân cư Tiên Sơn, phường, Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		20
52	Khách sạn Mai Ngân	Khu Bích Nhôi 1, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn	2 sao	346/QĐ-SVHTTDL	28
53	Khách sạn Phương Ngọc	Khu đô thị mới, Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ	CSLTDL được công nhận	1079/TB-SVHTTDL	18
54	Khách sạn Dương Thanh	Đường 391, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		18
55	Khách sạn Anh Dương 2	Km 64+400, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành	CSLTDL được công nhận	91/QĐ-VHTTDL	25
56	Khách sạn Long Hải	Thôn Thanh Liên, xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành	CSLTDL đạt tiêu chuẩn, chưa công nhận		27

**PHỤ LỤC X****Các câu lạc bộ, đội văn nghệ trên địa bàn tỉnh**

<b>STT</b>	<b>Tên các CLB/ đội Chèo</b>	<b>Địa chỉ (SĐT liên hệ)</b>	<b>Khu, điểm Du lịch</b>	<b>Số người thực hành di sản</b>	<b>Số lượng người có khả năng truyền dạy</b>	<b>Số lượng người đã được truyền dạy</b>	<b>Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)</b>
1	CLB hát Chèo xã Cẩm Phúc	- Địa chỉ: xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng - SĐT: 0904.454.136	-	10	0	-	- 15 tiết mục biểu diễn/năm
2	CLB hát Chèo xã Cẩm Đông	- Địa chỉ: xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng - SĐT: 0976.256.929	-	7	0	-	- 12 tiết mục biểu diễn/năm
3	CLB hát Chèo xã Đức Chính	- Địa chỉ: xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng - SĐT: 0349.513.826	-	12	0	-	- 16 tiết mục biểu diễn/năm
4	CLB hát Chèo truyền thống xã Tân Trường	- Địa chỉ: xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng	-	10	0	-	- 20 tiết mục biểu diễn/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0967.263.606					
5	CLB văn nghệ xã Thanh Quang	- Địa chỉ: xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà - SĐT: 0986.258.763	-	30	05	30	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
6	CLB văn nghệ xã Thanh Xuân	- Địa chỉ: xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà - SĐT: 0343.883.395	-	25	03	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
7	CLB văn nghệ thôn Thừa Liệt	- Địa chỉ: xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà - SĐT: 0338.808.086	-	40	10	40	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
8	CLB văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao thôn Đồng Bào	- Địa chỉ: xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương - SĐT: 0376.425.209	-	7	0	32	Biểu diễn 2 lần/năm dịp lễ hội truyền thống
9	CLB hát Chèo khu dân cư 9,	- Địa chỉ: khu dân cư 9,	-	21	1	48	Biểu diễn phục vụ phong

<b>STT</b>	<b>Tên các CLB/ đội Chèo</b>	<b>Địa chỉ (SĐT liên hệ)</b>	<b>Khu, điểm Du lịch</b>	<b>Số người thực hành di sản</b>	<b>Số lượng người có khả năng truyền dạy</b>	<b>Số lượng người đã được truyền dạy</b>	<b>Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)</b>
	phường Nhị Châu	phường Nhị Châu, TP. Hải Dương - SĐT: 0383.301.202					trào của địa phương
10	CLB hát Chèo phường Tứ Minh	- Địa chỉ: phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương - SĐT: 0368.393.374	-	11	0	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
11	CLB hát Chèo thôn Thanh Xá	- Địa chỉ: thôn Thanh Xá, xã Liên Hồng, TP. Hải Dương - SĐT: 0353.989.378		10	0	37	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
12	CLB hát Chèo xã Ngọc Sơn	- Địa chỉ: xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương - SĐT: 0368.326.787		20	0	50	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
13	CLB Chèo khu Bảo Thái	- Địa chỉ: phường Tân	-	20	3	45	Biểu diễn phục vụ phong

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Hung, thành phố Hải Dương - SĐT: 0386.471.561					trào của địa phương
14	CLB Chèo khu Phú Thọ	- Địa chỉ: phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương - SĐT: 0362.028.424	-	15	0	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
15	CLB yêu dân ca và Chèo thành phố Hải Dương	- Địa chỉ: TT Văn hóa - Thông tin thành phố Hải Dương - SĐT: 0972.311.939	-	67	15	125	- 135 buổi
16	CLB chèo thị trấn Nam Sách	- Địa chỉ: TT Nam Sách, huyện Nam Sách	-	15	2	10	- khoảng 4 buổi/ năm
17	CLB chèo xã Nam Hưng	- Địa chỉ: xã Nam Hưng, huyện Nam Sách	Điểm du lịch đền	20	3	15	- khoảng 4 buổi/ năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
			Long Động				
18	CLB chèo xã Hợp Tiến	- Địa chỉ: xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách	Điểm du lịch Đình Đầu	20	2	15	- khoảng 4 buổi/ năm
19	CLB chèo xã Nam Trung	- Địa chỉ: xã Nam Trung, huyện Nam Sách	-	15	2	10	- khoảng 4 buổi/ năm
20	CLB chèo xã An Lâm	- Địa chỉ: xã An Lâm, huyện Nam Sách	-	15	1	10	- khoảng 3 buổi/ năm
21	CLB chèo xã Đồng Lạc	- Địa chỉ: xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách	-	17	1	7	- khoảng 3 buổi/ năm
22	CLB chèo xã An Bình	- Địa chỉ: xã An Bình, huyện Nam Sách	Điểm du lịch chùa Trăm	18	2	10	- khoảng 3 buổi/ năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
			gian				
23	CLB chèo thôn My Động	- Địa chỉ: xã Hồng Phong, huyện Thanh Miện	-	12	01	12	- khoảng 4 buổi/ năm
24	CLB chèo thôn Triều Dương	- Địa chỉ: xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	Đảo Cò	15	02	15	- khoảng 5 buổi/năm
25	CLB Chèo thôn Gia Cốc	- Địa chỉ: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện	-	20	03	09	- khoảng 3 buổi/ năm
26	CLB chèo thôn An Khóa	- Địa chỉ: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện	-	25	05	20	- khoảng 4 buổi/năm
27	CLB chèo huyện Thanh Miện	- Địa chỉ: xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện	-	35	07	30	- khoảng 6 buổi/năm
28	CLB hát chèo - dân ca huyện Thanh Miện	- Địa chỉ: TT Thanh Miện, huyện Thanh Miện	-	35	06	15	- khoảng 4 buổi/năm
29	Đội văn nghệ Minh Đức	- Địa chỉ: xã Minh Đức,	-	25	5	30	Biểu diễn phục vụ phong



<b>STT</b>	<b>Tên các CLB/ đội Chèo</b>	<b>Địa chỉ (SĐT liên hệ)</b>	<b>Khu, điểm Du lịch</b>	<b>Số người thực hành di sản</b>	<b>Số lượng người có khả năng truyền dạy</b>	<b>Số lượng người đã được truyền dạy</b>	<b>Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)</b>
		huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0982106736					trào của địa phương
30	Đội văn nghệ Quang Khải	- Địa chỉ: xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0973226494	-	20	3	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
31	Đội văn nghệ Đại Sơn	- Địa chỉ: xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0982133169	-	18	4	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
32	Đội văn nghệ Tân Kỳ	- Địa chỉ: xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0376247510	-	25	3	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
33	Đội văn nghệ Dân Chủ	- Địa chỉ: xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0986329793	-	20	4	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương

<b>STT</b>	<b>Tên các CLB/ đội Chèo</b>	<b>Địa chỉ (SĐT liên hệ)</b>	<b>Khu, điểm Du lịch</b>	<b>Số người thực hành di sản</b>	<b>Số lượng người có khả năng truyền dạy</b>	<b>Số lượng người đã được truyền dạy</b>	<b>Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)</b>
34	Đội văn nghệ Quang Phục	- Địa chỉ: xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0984401397	-	22	4	15	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
35	Đội văn nghệ Tái Sơn	- Địa chỉ: xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0969722892	-	30	5	18	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
36	Đội văn nghệ Cộng Lạc	- Địa chỉ: xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0388832386	-	15	3	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
37	Đội văn nghệ Thị trấn Tứ Kỳ	- Địa chỉ: thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0974269289	-	25	6	30	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
38	Đội văn nghệ Phụng Kỳ	- Địa chỉ: xã Phụng Kỳ, huyện Tứ Kỳ	-	20	5	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0382596987					
39	Đội văn nghệ An Thanh	- Địa chỉ: xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0975934229	-	18	3	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
40	Đội văn nghệ Tiên Động	- Địa chỉ: xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0394289365	-	23	4	30	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
41	Đội văn nghệ Nguyên Giáp	- Địa chỉ: xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0983749115	-	25	6	25	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
42	Đội văn nghệ Hà Thanh	- Địa chỉ: xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0394290193	-	20	4	20	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
43	Đội văn nghệ Quang Trung	- Địa chỉ: xã Quang	-	18	3	18	Biểu diễn phục vụ phong

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Trung, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0328402820					trào của địa phương
44	Đội văn nghệ Hà Kỳ	- Địa chỉ: xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0989049741	-	20	3	18	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
45	CLB chèo huyện Tứ Kỳ	- Địa chỉ: TTVH-TT huyện Tứ Kỳ, TT Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ - SĐT: 0978960286	-	180	20	-	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
46	Đội văn nghệ thôn Cáy	- Địa chỉ: Thôn Cáy, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc - SĐT: 0862081268	-	15	0	0	- khoảng 3 buổi/năm
47	Đội văn nghệ thôn An Thu	- Địa chỉ: Thôn An Thu, xã Đồng Quang, huyện	-	10	0	0	- khoảng 4 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Gia Lộc - SĐT: 0359925727					
48	Đội văn nghệ thôn Đôn Thụ	- Địa chỉ: Thôn Đôn Thụ, xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc - SĐT: 0979962442	-	8	0	0	- khoảng 4 buổi/năm
49	Đội văn nghệ thôn Vĩnh Duệ	- Địa chỉ: Thôn Vĩnh Duệ, xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc - SĐT: 0394502980	-	10	0	2	- khoảng 4 buổi/năm
50	Đội văn nghệ thôn Đông Thượng	- Địa chỉ: Thôn Đông Thượng, xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc - SĐT: 0972340354	-	7	0	3	- khoảng 5 buổi/năm
51	Đội văn nghệ thôn Đông Hạ	- Địa chỉ: Thôn Đông	-	7	0	2	- khoảng 4 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Hạ, xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc - SĐT: 0964217975					
52	CLB hát chèo xã Đức Xương	- Địa chỉ: Xã Đức Xương, huyện Gia Lộc - SĐT: 0366946623	-	10	02	0	- khoảng 4 buổi/năm
53	Đội văn nghệ thôn Bình Đê	- Địa chỉ: Thôn Bình Đê, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc - SĐT: 0825122924	-	12	0	0	- khoảng 4 buổi/năm
54	Đội văn nghệ thôn Cao Lý	- Địa chỉ: Thôn Cao Lý, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc - SĐT: 0965604193	-	12	0	0	- khoảng 4 buổi/năm
55	Đội văn nghệ thôn Gia Bùi	- Địa chỉ: Thôn Gia Bùi,	-	10	0	0	- khoảng 3 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc - SĐT: 02206512795					
56	Đội văn nghệ thôn Cao Dương	- Địa chỉ: Thôn Cao Dương, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc - SĐT: 0385603012	-	12	0	0	- khoảng 4 buổi/năm
57	Câu lạc bộ chèo xã Gia Lương	- Địa chỉ: xã Gia Lương, huyện Gia Lộc - SĐT: 0366026576	-	20	5	20	- khoảng 5 buổi/năm
58	Đội văn nghệ thôn An Tân	- Địa chỉ: xã Gia Tân, huyện Gia Lộc - SĐT: 0976300634	--	15	01	14	- khoảng 5 buổi/năm
59	Đội văn nghệ thôn Đại Lương	- Địa chỉ: xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc	-	20	0	0	- khoảng 3 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0867605566					
60	CLB thôn Phương Bằng	- Địa chỉ: xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc - SĐT: 0984304234	-	15	2	15	- khoảng 5 buổi/năm
61	Đội văn nghệ thôn Bùi Hạ	- Địa chỉ: xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc - SĐT: 0345031910	-	15	2	0	- khoảng 3 buổi/năm
62	Đội văn nghệ thôn Già	- Địa chỉ: xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc - SĐT: 0383266835	-	12	1	3	- khoảng 5 buổi/năm
63	Đội văn nghệ thôn Lại	- Địa chỉ: xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc - SĐT: 0363295984	-	15	2	2	- khoảng 3 buổi/năm
64	Đội văn nghệ thôn Cao Duệ	- Địa chỉ: xã Nhật Tân,	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm



STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		huyện Gia Lộc - SĐT: 0342432208					
65	Đội văn nghệ thôn Thị Đức	- Địa chỉ: xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc - SĐT: 0344446516	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
66	Đội văn nghệ thôn Cầu Lâm	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0349416878	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
67	Đội văn nghệ thôn Quang Bị	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0969316158	-	12	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
68	Đội văn nghệ thôn Côi Thượng	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0988474277	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm

<b>STT</b>	<b>Tên các CLB/ đội Chèo</b>	<b>Địa chỉ (SĐT liên hệ)</b>	<b>Khu, điểm Du lịch</b>	<b>Số người thực hành di sản</b>	<b>Số lượng người có khả năng truyền dạy</b>	<b>Số lượng người đã được truyền dạy</b>	<b>Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)</b>
69	Đội văn nghệ thôn Côi Hạ	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0977902043	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
70	Đội văn nghệ 5 thôn Nam Cầu	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0349515309	-	15	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
71	Đội văn nghệ 6 thôn Nam Cầu	- Địa chỉ: xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc - SĐT: 0332318978	-	15	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
72	CLBchèoNgười cao tuổi	- Địa chỉ: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc - SĐT: 0964157327	-	10	2	8	- khoảng 3 buổi/năm
73	Đội văn nghệ thôn Bái Hạ	- Địa chỉ: xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc	-	15	0	0	- khoảng 5 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0359692159					
74	Đội văn nghệ thôn Bái Thượng	- Địa chỉ: xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc - SĐT: 0969261520	-	12	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
75	Đội văn nghệ thôn Phạm Trung	- Địa chỉ: xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc - SĐT: 0372848360	-	12	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
76	Đội văn nghệ thôn Điền Nhi	- Địa chỉ: xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc - SĐT: 0397106667	-	10	0	0	- khoảng 5 buổi/năm
77	CLB văn nghệ Thị trấn Gia Lộc	- Địa chỉ: TT Gia Lộc, huyện Gia Lộc - SĐT: 0985592363	-	25	3	5	- khoảng 3 buổi/năm
78	Đội văn nghệ Khu dân cư số 1	- Địa chỉ: thị trấn Gia	-	22	2	3	- khoảng 5 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		Lộc, huyện Gia Lộc					
79	Đội văn nghệ Khu dân cư số 7	- Địa chỉ: thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc	-	12	2	3	- khoảng 3 buổi/năm
80	Đội văn nghệ Khu dân cư số 8	- Địa chỉ: thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc	-	10	1	2	- khoảng 3 buổi/năm
81	Đội văn nghệ Khu dân cư Ngà	- Địa chỉ: thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc		10	1	2	- khoảng 3 buổi/năm
82	Đội văn nghệ Khu dân cư Tó	- Địa chỉ: thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc		9	1	2	- khoảng 3 buổi/năm
83	CLB chèo thôn Đồng Đội	- Địa chỉ: xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc  - SĐT: 0375457910		24	0	0	- khoảng 4 buổi/năm
84	Đội văn nghệ thôn Quỳnh Huê	- Địa chỉ: xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc		18	1	2	- khoảng 12 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0362934462					
85	Đội văn nghệ thôn Trung	- Địa chỉ: xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc - SĐT: 0989051683		16	2	3	- khoảng 10 buổi/năm
86	CLB hát chèo xã Yết Kiêu	- Địa chỉ: Xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0366066855		16	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
87	Đội văn nghệ thôn Lương Nham	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0392617872		12	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
88	Đội văn nghệ thôn Huyền Bùa	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0984766156		10	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
89	Đội văn nghệ thôn Khăn	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu,		8	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		huyện Gia Lộc - SĐT: 0984866476					
90	Đội văn nghệ thôn Hạ Bì	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0338777537		14	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
91	Đội văn nghệ thôn Hoàng Kim	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0376301706	-	8	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
92	Đội văn nghệ thôn Trịnh Thanh Vân	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0389309834	-	18	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm
93	Đội văn nghệ thôn Bá Đại	- Địa chỉ: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc - SĐT: 0384854986	-	9	0	-	- khoảng 4 buổi/ năm

<b>STT</b>	<b>Tên các CLB/ đội Chèo</b>	<b>Địa chỉ (SĐT liên hệ)</b>	<b>Khu, điểm Du lịch</b>	<b>Số người thực hành di sản</b>	<b>Số lượng người có khả năng truyền dạy</b>	<b>Số lượng người đã được truyền dạy</b>	<b>Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)</b>
94	CLB chèo Đại Đức	- Địa chỉ: xã Đại Đức, huyện Kim Thành - SĐT: 0384858662	-	22	3	5	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
95	CLB chèo Đồng Cẩm	- Địa chỉ: Xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành - SĐT: 0373833712	-	20	2	4	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
96	CLB chèo Kim Tân	- Địa chỉ: Xã Kim Tân, huyện Kim Thành - SĐT: 0356048129	-	18	3	6	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
97	CLB chèo Liên Hòa	- Địa chỉ: xã Liên Hòa, huyện Kim Thành - SĐT: 038 4921882	-	16	2	4	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
98	CLB chèo xã Bình Dân	- Địa chỉ: xã Bình Dân, huyện Kim Thành	-	15	2	3	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lich	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0981010865					
99	CLB chèo Kim Đính	- Địa chỉ: xã Kim Đính, huyện Kim Thành - SĐT: 0363938075	-	14	2	2	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
100	CLB chèo xã Ngũ Phúc	- Địa chỉ: xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành - SĐT: 0975215869	-	12	2	3	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
101	CLB chèo xã Kim Anh	- Địa chỉ: xã Kim Anh, huyện Kim Thành SĐT: 0348489823	-	20	3	6	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
102	CLB chèo TT Phú Thái	- Địa chỉ: TT Phú Thái, huyện Kim Thành - SĐT: 0398795361	-	12	2	4	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
103	CLB chèo xã Kim Liên	- Địa chỉ: xã Kim Liên,	-	22	3	5	Biểu diễn phục vụ phong



STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		huyện Kim Thành - SĐT: 0369557200					trào của địa phương
104	CLB chèo xã Phúc Thành	- Địa chỉ: xã Phúc Thành, huyện Kim Thành - SĐT: 0975366582	-	12	2	4	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
105	CLB chèo xã Kim Xuyên	- Địa chỉ: xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành - SĐT: 0966534298	-	12	2	5	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
106	CLB chèo xã Tuấn Việt	- Địa chỉ: xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành - SĐT: 0968497118	-	15	2	4	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
107	CLB chèo xã Cỏ Dũi	- Địa chỉ: xã Cỏ Dũi, huyện Kim Thành	-	16	2	5	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
		- SĐT: 0962258013					
108	CLB chèo xã Cộng Hòa	- Địa chỉ: xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành - SĐT: 0372168682	-	14	3	5	Biểu diễn phục vụ phong trào của địa phương
109	CLB hát chèo xã Hồng Khê	- Địa chỉ: xã Hồng Khê, huyện Bình Giang - SĐT: 0379.025.167	-	37	6	18	- 10 buổi/năm
110	CLB hát truyền thống huyện Bình Giang	- Địa chỉ: Trung tâm Văn hóa -Thông tin huyện Bình Giang	-	45	10	45	- 10 buổi/năm
111	CLB hát chèo xã Nhân Quyền	- Địa chỉ: xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	-	35	5	20	- 12 buổi/năm
112	CLB hát dân ca, chèo xã Tân Việt	- Địa chỉ: xã Tân Việt, huyện Bình Giang	-	30	3	23	- 12 buổi/năm

STT	Tên các CLB/ đội Chèo	Địa chỉ (SĐT liên hệ)	Khu, điểm Du lịch	Số người thực hành di sản	Số lượng người có khả năng truyền dạy	Số lượng người đã được truyền dạy	Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)
113	CLB chèo xã Vĩnh Hồng	- Địa chỉ: xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang	-	40	5	25	- 8 buổi/năm
114	CLB hát chèo thị trấn Kẻ Sặt	- Địa chỉ: TT Kẻ Sặt, huyện Bình Giang	-	35	2	20	- 8 buổi/năm
115	CLB hát chèo xã Vĩnh Hưng	- Địa chỉ: xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang	-	30	4	20	- 9 buổi/năm
116	CLB hát dân ca, chèo xã Bình Minh	- Địa chỉ: xã Bình Minh, huyện Bình Giang	-	35	2	15	- 10 buổi/năm
117	CLB khu dân cư Tổng Xá	- Địa chỉ: phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn - SĐT: 0947399988	-	12	8	20	- sinh hoạt 1 lần/tháng
118	CLB chèo Minh Tân	- Địa chỉ: phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn	-	10	10	-	- sinh hoạt 1 lần/tháng
119	CLB chèo Xạ Sơn	- Địa chỉ: xã Quang		25	10	30	- sinh hoạt 1 lần/tháng

<b>STT</b>	<b>Tên các CLB/ đội Chèo</b>	<b>Địa chỉ (SĐT liên hệ)</b>	<b>Khu, điểm Du lịch</b>	<b>Số người thực hành di sản</b>	<b>Số lượng người có khả năng truyền dạy</b>	<b>Số lượng người đã được truyền dạy</b>	<b>Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)</b>
		Thành, thị xã Kinh Môn - SĐT: 0372198202					
120	CLB chèo An Cường	- Địa chỉ: phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn - SĐT: 0912651654	-	45	20	55	- sinh hoạt 1 lần/tuần
121	CLB chèo Hiệp Thượng	- Địa chỉ: phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn - SĐT: 0936508264	-	50	25	57	- sinh hoạt 1 lần/tuần
122	CLB chèo Hiệp Thạch	- Địa chỉ: phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn	-	20	5	30	- sinh hoạt 1 lần/tuần
123	CLB chèo Hiệp Hạ	- Địa chỉ: phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn	-	25	5	15	- sinh hoạt 1 lần/tháng
124	CLB chèo Lư Hạ	- Địa chỉ: phường An Lư, thị xã Kinh Môn	-	20	5	15	- sinh hoạt 1 lần/tháng

<b>STT</b>	<b>Tên các CLB/ đội Chèo</b>	<b>Địa chỉ (SĐT liên hệ)</b>	<b>Khu, điểm Du lịch</b>	<b>Số người thực hành di sản</b>	<b>Số lượng người có khả năng truyền dạy</b>	<b>Số lượng người đã được truyền dạy</b>	<b>Các hoạt động bảo tồn di sản (tiết mục, số buổi trình diễn)</b>
125	CLB Sơn Thủy	- Địa chỉ: phường Phú Thú, thị xã Kinh Môn	-	15	15	15	- sinh hoạt 3 lần/tháng
126	CLB Bông Sen	- Địa chỉ: phường Phú Thú, thị xã Kinh Môn	-	4	4	4	- sinh hoạt 4 lần/tháng

## PHỤ LỤC XI

## Danh sách các tỉnh đã xây dựng và ban hành Chính sách ưu đãi hỗ trợ phát triển du lịch

STT	Tên tỉnh đã ban hành Chính sách	Thời gian ban hành	Tên Chính sách	Nội dung chính sách	Ghi chú
<b>I</b>	<b>MIỀN BẮC</b>				
1	Lạng Sơn	Số 17/2020/NQ-HĐNH ngày 14/12/2020	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025	<p>1. Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch cộng đồng (<i>Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông: 50% tổng giá trị công trình, tối đa 01 tỷ đồng/điểm du lịch; xây dựng, cải tạo đường giao thông nội bộ trong các điểm du lịch: mức hỗ trợ 50% tổng giá trị công trình, tối đa 500 triệu đồng/điểm du lịch; xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt: mức hỗ trợ 50% tổng giá trị công trình, tối đa 500 triệu đồng/điểm du lịch; xây dựng bãi đỗ xe chung có diện tích tối thiểu 200m<sup>2</sup>: mức hỗ trợ 50% tổng giá trị dự toán công trình, tối đa 100 triệu đồng/điểm du lịch; xây dựng nhà vệ sinh công cộng với diện tích tối thiểu 30m<sup>2</sup>: mức hỗ trợ 50% giá trị công trình, tối đa 100 triệu đồng/điểm du lịch; xây dựng, lắp đặt các biển chỉ dẫn, thuyết minh về điểm du lịch không quá 50 triệu đồng/điểm du lịch);</i></p> <p>2. Hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn, hỗ trợ các hộ gia đình tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng (<i>tổ chức</i></p>	

				<p><i>các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ không quá 50 triệu đồng/điểm du lịch/năm);</i></p> <p>3. Hỗ trợ các hộ gia đình tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng (<i>mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ gia đình</i>).</p>	
2	Thái Nguyên	Số 25/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025	<p>1. Hỗ trợ kinh phí lập dự án, đầu tư hạ tầng tại các điểm phát triển du lịch cộng đồng;</p> <p>2. Hỗ trợ kinh phí xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch;</p> <p>3. Hỗ trợ kinh phí tập huấn, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch;</p> <p>4. Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch.</p> <p><i>(Hỗ trợ tối đa 5.000 triệu đồng đối với 01 điểm du lịch)</i></p>	
3	Lào Cai	Số 06/2021/NQ-HĐND ngày 09/4/2021	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025	<p>1. Chính sách hỗ trợ vay vốn đầu tư điểm du lịch (<i>tối đa 02 tỷ đồng/dự án/điểm du lịch (không quá 100 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm)</i>);</p> <p>2. Chính sách hỗ trợ vay vốn phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng <i>tối đa không quá 100 triệu đồng/ người (một hộ gia đình được vay tối đa 200 triệu đồng/02 người lao động)</i>;</p> <p>3. Chính sách hỗ trợ câu lạc bộ, đội văn nghệ dân gian tại các điểm du lịch (<i>thành lập mới, 01 (một) lần: Mức hỗ trợ tối đa không quá: 40.000.000 đồng/đội (câu lạc</i></p>	

				<i>bộ); duy trì hoạt động của câu lạc bộ, đội văn nghệ dân gian: Mức hỗ trợ tối đa không quá: 5.000.000 đồng/tháng/đội (câu lạc bộ).</i>	
4	Cao Bằng	Số 78/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Nghị quyết ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025	<p>1. Đầu tư về cơ sở vật chất, kỹ thuật tại các điểm du lịch cộng đồng (<i>xây dựng hệ thống biển, bảng thuyết minh, chỉ dẫn, không quá 100 triệu đồng/điểm; bảo tồn bản sắc văn hóa, cải tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường, không quá 50 triệu đồng/hộ dân, không quá 10 hộ/điểm; đầu tư ban đầu hệ thống thu gom, xử lý rác thải, không quá 40 triệu; cải tạo cảnh quan môi trường, không quá 30 triệu đồng/điểm; xây dựng, cải tạo Nhà vệ sinh, không quá 30 triệu đồng/hộ dân; đầu tư mua sắm trang thiết bị, không quá 50 triệu đồng/hộ dân.</i>)</p> <p>2. Hỗ trợ xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng (<i>không quá 200 triệu đồng/điểm</i>);</p> <p>3. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực du lịch cộng đồng (<i>tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, không quá 50 triệu đồng/lớp; tổ chức, tập huấn kỹ năng nghề, không quá 50 triệu đồng/lớp</i>);</p> <p>4. Hỗ trợ công tác xúc tiến quảng bá (<i>không quá 50 triệu đồng/năm/điểm du lịch; không quá 5 điểm du lịch/năm</i>).</p>	
5	Lai Châu	Số 59/2021/NQ-HĐND ngày	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ	1. Khôi phục lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống	



		10/12/2021	trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	<p>a) Hỗ trợ khôi phục 02 lễ hội truyền thống (tối đa 150 triệu đồng/lễ hội cả giai đoạn không quá 300 triệu đồng);</p> <p>b) Hỗ trợ khôi phục quy trình sản xuất nghề (tối đa 50 triệu đồng/ngành cả giai đoạn không quá 150 triệu đồng);</p> <p>2. Bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống, chợ phiên truyền thống</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ duy trì tổ chức lễ hội truyền thống (tối đa 80 triệu đồng/lễ hội/năm, cả giai đoạn không quá 480 triệu đồng; Hỗ trợ tổ chức 35 lễ hội/năm, tối đa 80 triệu đồng/lễ hội/năm, cả giai đoạn không quá 11.200 triệu đồng)</li> <li>- Bảo tồn, phát huy 02 chợ phiên truyền thống (tối đa 3.000 triệu đồng/chợ, cả giai đoạn không quá 6.000 triệu đồng).</li> </ul> <p>3. Truyền dạy văn hóa truyền thống, truyền dạy và sản xuất vật mẫu nghề</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền dạy và sản xuất vật mẫu nghề (tối đa 150 triệu đồng/ngành/người truyền dạy; hỗ trợ người học 50.000 đồng/người/buổi, tổng kinh phí hỗ trợ cho cả giai đoạn không quá 450 triệu đồng)</li> <li>- Lớp truyền dạy văn hóa truyền thống của các dân tộc (tối đa 150 triệu đồng/lớp/dân tộc, cả giai đoạn không quá 5.550 triệu đồng);</li> </ul>	
--	--	------------	---	--	--

				<p>4. Tổ chức các đội văn nghệ quần chúng (tối đa 20 triệu đồng/đội, cả giai đoạn không quá 960 triệu đồng)</p> <p>5. Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống gắn với phát triển các điểm du lịch</p> <p>a) Phát triển hạ tầng điểm du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng địa điểm tổ chức các hoạt động trải nghiệm (tối đa 70% tổng dự toán kinh phí và không quá 1.000 triệu đồng/mô hình/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 5.000 triệu đồng)</li> <li>- Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở theo kiến trúc nhà ở truyền thống (tối đa 70% tổng dự toán kinh phí, không quá 160 triệu đồng/hộ, 10 hộ/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 8.000 triệu đồng).</li> <li>- Xây dựng mới nhà vệ sinh cho hộ gia đình kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay)(tối đa 70% tổng dự toán kinh phí, không quá 50 triệu đồng/hộ, 10 hộ/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 2.500 triệu đồng)</li> </ul> <p>b) Lập bản đồ quy hoạch tổng thể (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 cho các điểm du lịch, tối đa 200 triệu đồng/điểm du lịch, cả giai đoạn không quá 800 triệu đồng)</p> <p>c) Hệ thống điện chiếu sáng dọc đường (tối đa 70% tổng dự toán và không quá 500 triệu đồng/điểm du lịch; tổng kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn không quá 2.500 triệu đồng)</p>	
--	--	--	--	--	--

				<p>d) Xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa, nâng cấp bãi đỗ xe (tối đa 70% tổng dự toán, không quá 300 triệu đồng/bãi đỗ xe/điểm du lịch, không quá 150 triệu đồng đối với cải tạo, cả giai đoạn không quá 1.050 triệu đồng)</p> <p>đ) Cải tạo, nâng cấp đường nội bản (tối đa 70% tổng dự toán kinh phí, không quá 500 triệu đồng/km, 2.500 triệu đồng/điểm du lịch, cả giai đoạn không quá 12.500 triệu đồng)</p> <p>e) Xây dựng mới nhà vệ sinh công cộng (tối đa 70% tổng dự toán không quá 300 triệu đồng/nhà vệ sinh/điểm du lịch, cả giai đoạn không quá 1.500 triệu đồng)</p> <p>f) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực: tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ 200.000/người/ngày, cả giai đoạn không quá 150 triệu đồng; học nghề du lịch: 10 triệu đồng/người/khóa học, cả giai đoạn không quá 1.000 triệu đồng</p> <p>g) Sản phẩm du lịch và dịch vụ du lịch (xây dựng 01 điểm ngắm cảnh tối đa 70% tổng dự toán và không quá 900 triệu đồng/điểm; Xây dựng 01 điểm bay dù lượn, tối đa 70% tổng dự toán và không quá 2.000 triệu đồng/điểm bay)</p>	
6	Tuyên Quang	Số 09/2021/NQ-HĐND ngày	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ	1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ tối thiểu cho nhà ở có phòng cho khách du lịch	

		20/12/2021	trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	<p>thuê (<i>homestay</i>) (<i>Hỗ trợ 80 triệu đồng/01 homestay</i>);</p> <p>2. Hỗ trợ mua sắm thiết bị thu gom rác thải, nhà vệ sinh công cộng tại các điểm du lịch cộng đồng; hỗ trợ mua nhà vệ sinh công cộng tại các khu du lịch (<i>mua sắm thiết bị thu gom rác thải, nhà vệ sinh, hỗ trợ 75 triệu đồng/01 điểm du lịch; mua nhà vệ sinh công cộng, hỗ trợ 140 triệu đồng/01 khu du lịch</i>);</p> <p>3. Hỗ trợ đội văn nghệ phục vụ du lịch tại các điểm du lịch cộng đồng (<i>Hỗ trợ 70 triệu đồng/01 đội văn nghệ/01 điểm du lịch</i>);</p> <p>4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm dừng chân phục vụ khách du lịch (<i>tối đa 400 triệu đồng/dự án</i>);</p> <p>5. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà truyền thống của dân tộc thiểu số (<i>Hỗ trợ 90% lãi suất, không quá 200 triệu đồng/01 homestay</i>); xây dựng nhà hàng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (<i>Hỗ trợ 80% lãi suất, không quá 500 triệu đồng/01 nhà hàng, 02 tỷ đồng/01 tàu</i>); mua, đóng mới tàu cao tốc, tàu chở khách du lịch; ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành (<i>Hỗ trợ 100% chênh lệch giữa lãi suất cho vay của ngân hàng trừ đi lãi suất tiền gửi ký quỹ, đa không quá 100 triệu đồng/01 doanh nghiệp lữ hành nội địa, 500 triệu đồng/01 doanh nghiệp lữ hành quốc tế</i>);</p> <p>6. Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo nghiệp vụ du lịch (<i>không quá 5 triệu đồng/01 loại chứng chỉ</i>);</p> <p>7. Hỗ trợ sản xuất mẫu sản phẩm lưu niệm mới phục vụ</p>	
--	--	------------	--	--	--

				du lịch ( <i>Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất các mẫu sản phẩm lưu niệm mới phục vụ du lịch; mức hỗ trợ tối đa 60 triệu đồng/cơ sở</i> ).	
7	Yên Bái	Số 10/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021	Nghị quyết ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025	<p><b>I. Chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất và hạ tầng du lịch</b></p> <p>1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông kết nối các địa điểm có hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh;</p> <p>2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở kinh doanh thương mại đạt tiêu chuẩn, bán các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP của tỉnh Yên Bái phục vụ khách du lịch (<i>30% kinh phí, không quá 100 triệu đồng/cơ sở</i>);</p> <p>3. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị; đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (<i>hỗ trợ đầu tư hệ thống cấp nước sạch không quá 20 triệu đồng/hộ gia đình; mua sắm trang thiết bị không quá 30 triệu đồng/hộ gia đình</i>);</p> <p>4. Hỗ trợ đầu tư mua sắm thiết bị thu gom rác thải tại các thôn (bản) có hoạt động du lịch cộng đồng (<i>không quá 60 triệu đồng/tổ chức, thôn (bản)</i>);</p> <p>5. Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch tại các khu trung tâm và các địa điểm có hoạt động du lịch (<i>không quá 200 triệu đồng/thôn (bản)</i>).</p>	

				<p><b>II. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực du lịch và hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch</b></p> <p>1. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực du lịch (<i>lớp bồi dưỡng kỹ năng (quản trị không quá 75 triệu, phụ vụ không quá 65 triệu đồng/lớp; lớp ngoại ngữ, không quá 70 triệu đồng/lớp);</i></p> <p>2. Chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch (<i>50% tổng kinh phí tham gia, không quá 50 triệu/tổ chức/1 lần, không quá 05 tổ chức/năm).</i></p> <p><b>III. Chính sách hỗ trợ phát triển tài nguyên du lịch</b></p> <p>1. Hỗ trợ kinh phí thành lập và duy trì hoạt động đội văn nghệ quần chúng phục vụ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ tại các thôn (bản) có hoạt động du lịch cộng đồng (<i>thành lập: nhóm I không quá 60 triệu đồng/đội; nhóm II không quá 40 triệu đồng/đội; duy trì 03 triệu đồng/đội/năm);</i></p> <p>2. Hỗ trợ lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn có tiềm năng phát triển du lịch (<i>không quá 250 triệu đồng/hồ sơ);</i></p> <p>3. Hỗ trợ truyền dạy trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể (<i>mỗi lớp tối thiểu 10 người, không quá 45 triệu đồng/lớp);</i></p> <p>4. Hỗ trợ duy trì, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch (<i>50 triệu đồng/hợp tác xã; 20</i></p>	
--	--	--	--	---	--

				<i>triệu đồng/tổ hợp tác).</i>	
8	Son La	Số 41/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022-2026	<p>1. Chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch (<i>Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, tôn tạo cảnh quan, đảm bảo môi trường, phát triển sản phẩm du lịch, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số... hỗ trợ: 300.000.000 đồng/khu du lịch; 200.000.000 đồng/điểm du lịch; Hỗ trợ xây dựng chương trình biểu diễn nghệ thuật dân gian (dân ca, dân vũ, dân nhạc) phục vụ khách du lịch thường xuyên tại điểm. Mức hỗ trợ: 70.000.000 đồng/khu, điểm, bản; Hỗ trợ xây dựng trích đoạn lễ hội truyền thống dân tộc phục vụ khách du lịch thường xuyên tại điểm. Mức hỗ trợ: 90.000.000 đồng/khu, điểm, bản; Hỗ trợ khôi phục, phát triển nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch. Mức hỗ trợ: 90.000.000 đồng/khu, điểm, bản; Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có sáng kiến, sáng tạo phát triển loại hình, sản phẩm du lịch mới, khác biệt, độc đáo, hấp dẫn. Mức hỗ trợ: 90.000.000 đồng/sáng kiến)</i></p> <p>2. Chính sách xúc tiến quảng bá du lịch;        Đối với các hoạt động xây dựng, phát triển, truyền thông thương hiệu qua các cuộc thi về du lịch:        - Các cuộc thi có tính chất nghiệp vụ, được tổ chức thường xuyên:        + Các cuộc thi cấp tỉnh: <i>Giải Nhất/giải A: 7.000.000 đồng/giải; Giải Nhì/giải B: 5.000.000 đồng/giải; Giải Ba/ giải C: 3.000.000 đồng/giải, giải khuyến khích 2.000.000 đồng/giải.</i>        + Các cuộc thi cấp huyện: <i>Giải Nhất/giải A: 5.000.000 đồng/giải; Giải Nhì/giải B: 3.000.000 đồng/giải; Giải</i></p>	

			<p><i>Ba/giải C: 2.000.000 đồng/giải; Giải Khuyến khích: 1.000.000 đồng/giải.</i></p> <p>+ Các cuộc thi sáng tạo không thường xuyên (cuộc thi sáng tác bộ nhận diện thương hiệu du lịch; cuộc thi logo, slogan, video clip, quảng bá du lịch và các cuộc thi ý tưởng sáng tạo lĩnh vực du lịch...): <i>Giải Nhất: 20.000.000 đồng/giải; Giải Nhì: 15.000.000 đồng/giải; Giải Ba: 10.000.000 đồng/giải; Giải Khuyến khích: 5.000.000 đồng/giải.</i></p> <p>- Giải thưởng bình chọn công nhận thương hiệu, chất lượng trong tỉnh, định kỳ 01 lần/năm. <i>Giải tập thể 20.000.000 đồng/giải; giải cá nhân 10.000.000 đồng/giải.</i></p> <p>- Hỗ trợ tổ chức, cá nhân chuẩn bị gian hàng, sản phẩm du lịch, ấn phẩm, phương tiện, thiết bị, phần mềm truyền thông quảng bá du lịch... được tỉnh/huyện mời làm đại diện. <i>Mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/đơn vị/lần tham gia.</i></p> <p>- Hỗ trợ kinh phí lưu trú, phương tiện đi lại cho tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp lữ hành tổ chức đoàn FAM Trip khảo sát, đánh giá sản phẩm điểm đến, hình thành tour du lịch mới trên địa bàn tỉnh. <i>Mức hỗ trợ: Áp dụng theo chế độ công tác phí hiện hành.</i></p> <p>3. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực (<i>người tham gia khóa đào tạo nghề đến 03 tháng: 4.500.000 đồng/người/khóa đào tạo; người tham gia khóa đào tạo nghề trên 03 tháng: 1.500.000 đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng; doanh nghiệp, tổ chức về du lịch tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về du lịch: 50.000.000 đồng/lớp khi đảm bảo số</i></p>	
--	--	--	--	--



				<p><i>lượng từ 30 đến 50 học viên/lớp);</i></p> <p>4. Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng (<i>bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ, xúc tiến sản phẩm, thực hiện các nhiệm vụ theo quy hoạch, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt. Mức hỗ trợ: 01 tỷ/năm; hỗ trợ trong thời gian 36 tháng; đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhà ở truyền thống, trang thiết bị, hỗ trợ 50.000.000 đồng/hộ; lãi suất tiền vay bằng mức hộ nghèo của ngân hàng chính sách xã hội, tối đa 30.000.000 đồng/hộ, thời gian 36 tháng; đầu tư lắp đặt và kinh phí sử dụng wifi, mức 15.000.000 đồng/bản/năm, thời gian 36 tháng).</i></p>	
9	Ninh Bình	Số 105/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023	Nghị quyết về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023-2030	<p>1. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực du lịch (<i>Đối với lớp tập huấn: 90% kinh phí, không quá 50 triệu/lớp, tối đa 2 lớp/năm; Đối với đào tạo nghề: 4,5 triệu đồng/người/khóa)</i></p> <p>2. Chính sách hỗ trợ tham gia các chương trình xúc tiến du lịch trong và ngoài nước (<i>20% chi phí, không quá 30 triệu đồng/lần – trong nước, không quá 50 triệu đồng/lần – các nước Châu Á, không quá 100 triệu/lần – ngoài khu vực châu Á);</i></p> <p>3. Hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương để phục vụ khác du lịch (<i>100 triệu đồng/công trình xây mới, 50 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo; Thành lập mới hỗ trợ: 50 triệu đồng/đội văn nghệ</i></p>	

				<p>- 15 người trở lên, duy trì hỗ trợ 30 triệu đồng/năm</p> <p>4. Chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch (Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, hỗ trợ 100 triệu đồng/công trình xây dựng mới và 50 triệu đồng/công trình nâng cấp, cải tạo; Chính sách hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương để phục vụ khách du lịch: Hỗ trợ thành lập đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, hỗ trợ 50 triệu đồng, hỗ trợ duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng, hỗ trợ 30 triệu đồng/đội)</p> <p>5. Chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An (tu bổ, sửa chữa 100 triệu đồng/công trình; xây mới theo khung mẫu thiết kế 100 triệu đồng/công trình)</p>	
10	Bắc Giang	Số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030	<p>1. Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm du lịch cộng đồng (hỗ trợ 70% kinh phí thực tế, không quá 2 tỷ đồng/điểm);</p> <p>2. Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất điểm du lịch cộng đồng (hỗ trợ nhà đón khách, trưng bày sản phẩm 500 triệu đồng/nhà, không quá 3 nhà/điểm; hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh 100 triệu đồng/nhà, không quá 3 nhà/điểm; hỗ trợ đường giao thông nội bộ 800 triệu đồng/nhà, không quá 2 tỷ đồng/điểm; hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe</p>	

				<p>100 triệu đồng/bãi đỗ, không quá 2 bãi đỗ/điểm);</p> <p>3. Hỗ trợ mua hoặc đóng thuyền, xe điện vận chuyển khách du lịch (<i>hỗ trợ 70% kinh phí – đối với thuyền không quá 1,5 tỷ đồng/thuyền, không quá 2 thuyền/điểm; đối với xe điện không quá 200 triệu đồng/xe điện, không quá 5 xe/điểm</i>).</p>	
11	Hà Giang	Số 10/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đến năm 2028 trên địa bàn tỉnh Hà Giang	<p>1. Chính sách hỗ trợ xây dựng trạm dừng chân du lịch (<i>Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay từ các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh trong thời gian 36 tháng, hỗ trợ 01 lần đối với 01 dự án và với khoản vay tối đa 02 tỷ đồng/dự án</i>);</p> <p>2. Chính sách hỗ trợ xây dựng sản phẩm du lịch mạo hiểm (<i>Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay từ các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh trong thời gian 36 tháng, hỗ trợ 01 lần đối với 01 dự án và với khoản vay tối đa 02 tỷ đồng/dự án</i>);</p> <p>3. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các làng Văn hóa du lịch tiêu biểu được tỉnh công nhận (<i>Đối với làng được công nhận lần đầu: 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Đối với làng được công nhận lần 2: 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng)</i>).</p>	
12	Bắc Kạn	Số 16/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023	Nghị quyết ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch trên địa	<p>1. Hỗ trợ tư vấn về không gian, cảnh quan, sản phẩm và cách làm du lịch (<i>hỗ trợ theo thực tế tại từng điểm du lịch và không quá 300 triệu đồng/01điểm</i>);</p> <p>2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và phát triển điểm du</p>	

			bản tỉnh Bắc Kạn	<p>lich (<i>Hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá 3.000 triệu đồng/01 điểm du lịch</i>);</p> <p>3. Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc (<i>Đối với xây mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở truyền thống của đồng bào dân tộc, mua sắm thiết bị, vật dụng - hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn ngân hàng theo thực tế. Mức vay tối đa được hỗ trợ lãi suất không quá 500 triệu đồng/nhà, thời gian vay không quá 36 tháng và không quá 10 nhà/01 điểm du lịch; Đối với tạo sản phẩm lưu niệm, quà tặng - 50 triệu đồng/cơ sở và không quá 03 cơ sở/01 điểm du lịch</i>)</p> <p>4. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch (<i>1,5 triệu đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ tối đa 6 tháng và không quá 15 người/01 điểm du lịch</i>);</p> <p>5. Hỗ trợ công tác xúc tiến, quảng bá du lịch (<i>Không quá 150 triệu đồng/01 điểm du lịch/năm; thời gian hỗ trợ trong 3 năm</i>).</p>	
<b>II</b>	<b>MIỀN TRUNG</b>				
13	Thừa Thiên Huế	Số 05/2019/NQ-HĐND ngày 09/7/2019	Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025	<p>1. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch (<i>xây dựng, nâng cấp 01 tuyến đường giao thông nối từ các trục Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện đến điểm du lịch không quá 2 tỷ đồng/điểm du lịch; xây dựng, nâng cấp đường nội bộ tại điểm du lịch, không quá 1,5 tỷ đồng/điểm du lịch; Bãi đỗ xe (bến thuyền): đầu tư mới không quá 200 triệu</i></p>	

				<p>đồng/điểm du lịch, đầu tư nâng cấp không quá 50 triệu đồng/điểm du lịch; Nhà đón tiếp và trưng bày: đầu tư mới không quá 400 triệu đồng/điểm du lịch, đầu tư nâng cấp không quá 100 triệu đồng/điểm du lịch; Nhà vệ sinh công cộng; xây dựng mới không quá 100 triệu đồng, nâng cấp không quá 25 triệu đồng; Bảng chỉ dẫn, thuyết minh: không quá 50 triệu đồng; xây dựng cơ sở lưu trú trong dân (homestay): xây dựng mới không quá 30 triệu đồng cho 01 phòng, tối đa 100 triệu đồng/cơ sở cho ba 03 phòng, sửa chữa 15 triệu cho 01 phòng, tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở, Tổng mức hỗ trợ cho một điểm du lịch không quá 01 tỷ đồng/6 năm)</p> <p>2. Hỗ trợ xây dựng và phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch cộng đồng (hỗ trợ 50 triệu đồng cho 01 sản phẩm du lịch và không quá 250 triệu đồng/điểm du lịch);</p> <p>3. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch (hỗ trợ một (01) khóa đào tạo, tập huấn tối đa không quá 30 triệu/điểm du lịch, không quá 300 triệu đồng/điểm du lịch trong giai đoạn 6 năm)</p>	
14	Nghệ An	Số 07/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020	Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025	<p>1. Đối với mô hình hộ gia đình (Hỗ trợ 50 triệu đồng/hộ mua sắm trang thiết bị vệ sinh đạt chuẩn; 50 triệu đồng/hộ mua sắm trang thiết bị ban đầu phục vụ khách)</p> <p>2. Đối với mô hình thôn, xóm, bản (Hỗ trợ 40 triệu đồng/thôn, xóm, bản mua nhạc cụ, trang phục; 15 triệu</p>	

				<p><i>đồng/thôn, xóm, bản lấp dặt biển báo, chỉ dẫn);</i></p> <p>3. Đối với UBND cấp huyện (<i>Hỗ trợ 80 triệu tổ chức lớp tập huấn, 100 triệu kinh phí tuyên truyền, quảng bá xúc tiến).</i></p>	
15	Quang Trị	Số 12/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022	Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2030	<p>1. Chính sách hỗ trợ lập Quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch tỷ lệ 1/2000;</p> <p>2. Chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng các điểm, khu du lịch cộng đồng (<i>cải tạo cảnh quan môi trường: 50% tổng giá trị công trình, không quá 50 triệu đồng/điểm, khu; xây dựng và phát triển sản phẩm, hỗ trợ: 50% tổng kinh phí, không quá 200 triệu đồng/điểm; nhà đón tiếp và trưng bày, hỗ trợ: 50% tổng mức đầu tư không quá 200 triệu đồng/01 nhà; xây dựng nhà vệ sinh, hỗ trợ: 50% tổng giá trị, không quá 100 triệu đồng/01 nhà vệ sinh; xây dựng hệ thống biển, bảng, hỗ trợ 50% tổng giá trị công trình, không quá 100 triệu đồng/điểm, khu);</i></p> <p>3. Chính sách hỗ trợ đầu tư các khu du lịch cộng đồng, sinh thái (<i>hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng/01 khu);</i></p> <p>4. Xây dựng cơ sở hạ tầng (<i>bãi đỗ xe chung, hỗ trợ 50% tổng giá trị, không quá 01 tỷ đồng/khu; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải, hỗ trợ 50% tổng giá trị, không quá 01 tỷ đồng/khu)</i></p> <p>5. Chính sách hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch (<i>hỗ trợ 80% kinh phí, không quá 50 triệu đồng/lớp);</i></p>	

				<p>6. Chính sách hỗ trợ công tác xúc tiến du lịch (<i>hỗ trợ 50% chi phí thuê mặt bằng, không quá 40 triệu đồng/doanh nghiệp, tổ chức/năm</i>);</p> <p>7. Chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh du lịch (<i>hỗ trợ 50% kinh phí, không quá 50 triệu đồng/tổ chức, doanh nghiệp/năm</i>).</p>	
16	Khánh Hòa	Số 06/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	Nghị quyết quy định một số nội dung và mức hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Khánh Hòa	<p>1. Lắp đặt hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn (<i>tối đa 15 triệu đồng/địa điểm</i>);</p> <p>2. Phát triển sản phẩm du lịch (<i>tối đa 40 triệu đồng/sản phẩm</i>);</p> <p>3. Trang thiết bị cần thiết ban đầu cho cá nhân, hộ gia đình, người dân trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch (<i>tối đa 30 triệu đồng/hộ</i>);</p> <p>4. Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch cho cá nhân, hộ gia đình, người dân trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch (<i>tối đa 100 triệu đồng/năm/địa phương</i>);</p> <p>5. Xúc tiến sản phẩm du lịch cộng đồng (<i>tối đa 100 triệu đồng/năm/địa phương</i>).</p>	
<b>III</b>	<b>MIỀN NAM</b>				
17	Đồng Tháp	Số 01/2022/NQ-HĐND ngày 24/3/2022	Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh	1. Hỗ trợ đầu tư phát triển điểm du lịch tham quan vườn hoa kiểng hoặc cánh đồng Sen hoặc vườn cây ăn trái hoặc sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc gắn với sản xuất làng nghề,	

		<p>Đồng Tháp giai đoạn 2022-2026</p>	<p>làng nghề truyền thống (300 triệu đồng/điểm);</p> <p>2. Hỗ trợ đầu tư loại hình du lịch Homestay (khách lưu trú và trải nghiệm văn hoá sinh hoạt gia đình tại nhà dân) chất lượng cao hoặc Farmstay (khách lưu trú, trải nghiệm các giá trị văn hoá bản địa tại trang trại) kết hợp trải nghiệm nông nghiệp chất lượng cao: (quy mô đầu tư đáp ứng phục vụ từ 15 khách trở lên, hỗ trợ 100 triệu đồng/cơ sở; quy mô đầu tư đáp ứng phục vụ từ 30 khách trở lên, hỗ trợ 300 triệu đồng/cơ sở)</p> <p>3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng loại hình khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng phức hợp đạt tiêu chuẩn hạng 3 sao, 4 sao và 5 sao (đạt tiêu chuẩn hạng 3 sao được hỗ trợ 40 triệu đồng/phòng ngủ, mức hỗ trợ tối đa 04 tỷ đồng/cơ sở; đạt tiêu chuẩn hạng từ 4 sao trở lên được hỗ trợ 50 triệu đồng/phòng ngủ, mức hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng/cơ sở);</p> <p>4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng bến tàu du lịch (02 tỷ đồng/dự án/tổ chức);</p> <p>5. Hỗ trợ đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển khách du lịch đường thủy (Tàu từ 100 ghế trở lên: Tàu gỗ hỗ trợ 150 triệu đồng, Tàu sắt hỗ trợ 300 triệu đồng; Tàu từ 50 ghế đến 99 ghế, cụ thể: 50 ghế đầu tiên được tính bằng 50% mức hỗ trợ so với loại tàu từ 100 ghế trở lên. Cứ 10 ghế tăng thêm được hỗ trợ thêm 7,5 triệu đồng đối với Tàu gỗ và 15 triệu đồng đối với Tàu sắt; phương tiện vận chuyển khách du lịch đường thủy khác như ca nô, du thuyền, phà tự hành, ụ nổi kéo di động. Mức hỗ trợ được tính bằng 5% trên hoá đơn</p>	
--	--	--------------------------------------	---	--



				<p><i>xuất xưởng);</i></p> <p>6. Hỗ trợ đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển khách du lịch đường bộ (<i>5% trên tổng mức đầu tư mua sắm phương tiện);</i></p> <p>7. Hỗ trợ đầu tư xây dựng khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí theo mô hình kinh tế ban đêm (<i>quy mô đầu tư tối thiểu từ 50 tỷ trở lên, hỗ trợ: 02 tỷ đồng/dự án/tổ chức).</i></p>	
18	Đắc Lắc	Số 08/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021	Nghị quyết về hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại các thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc, giai đoạn 2021-2025	<p>* Đối với thôn, buôn:</p> <p>1. Hỗ trợ đầu tư lắp đặt hệ thống chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời tại các trục chính (<i>hỗ trợ 50% tổng giá trị, tối đa 100 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>2. Hỗ trợ kinh phí mua sắm máy vi tính, bàn ghế và xây dựng trang thông tin điện tử du lịch cộng đồng (<i>hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/Ban quản lý);</i></p> <p>3. Hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe chung (<i>diện tích tối thiểu 200m<sup>2</sup>, hỗ trợ 50% tổng giá trị dự toán, tối đa 250 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>4. Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch (<i>hỗ trợ 50% giá trị công trình, tối đa 125 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>5. Hỗ trợ xây dựng, lắp đặt các biển chỉ dẫn, thuyết minh điểm đến (<i>tối đa 50 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>6. Hỗ trợ kinh phí cải tạo cảnh quan môi trường (<i>tối đa 50 triệu đồng/thôn, buôn);</i></p> <p>7. Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư hệ thống thu gom, xử</p>	

				<p>lý rác thải (tối đa 30 triệu đồng/thôn, buôn);</p> <p>8. Hỗ trợ kinh phí xây dựng sản phẩm du lịch trải nghiệm (tối đa 50 triệu đồng/thôn, buôn);</p> <p>9. Hỗ trợ chi phí tham gia các hội chợ và các sự kiện xúc tiến quảng bá du lịch trong nước (tối đa 10 triệu đồng/thôn, buôn).</p> <p>* Đối với cá nhân, hộ gia đình:</p> <p>1. Hỗ trợ 1 lần kinh phí di chuyển chuồng trại (tối đa 30 triệu đồng/cá nhân, hộ gia đình);</p> <p>2. Hỗ trợ 1 lần kinh phí cải tạo, làm mới phần cứng nhà vệ sinh (tối đa 50 triệu đồng/ cá nhân, hộ gia đình);</p> <p>3. Hỗ trợ tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức (tối đa 40 triệu đồng/lớp-tối thiểu 20 người)</p>	
19	Trà Vinh	Số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/8/2021	Nghị quyết quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025.	<p><b>1. Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư làm du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh</b></p> <p>- Hỗ trợ hộ gia đình đầu tư xây dựng nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay), phòng nghỉ tại trang trại, nông trại (farmstay) để phục vụ khách du lịch 30 triệu đồng/1 phòng; tối thiểu 2 phòng, tối đa 5 phòng.</p> <p>- Hỗ trợ hộ gia đình chỉnh trang nhà cửa, mua sắm trang thiết bị, xây dựng không gian đón khách để tham gia chuỗi du lịch cộng đồng. Định mức hỗ trợ tương đương hoặc bằng 50% chi phí chỉnh trang nhà cửa, mua sắm trang thiết bị, xây dựng không gian đón khách nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/1 hộ.</p> <p>- Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư dịch vụ vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian phục vụ khách du lịch 30 triệu đồng/1 điểm.</p>	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư, khôi phục nghề truyền thống phục vụ du lịch cộng đồng với mức hỗ trợ 50% chi phí mua sắm thiết bị, dụng cụ sản xuất nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/1 điểm.</li> <li>- Hỗ trợ câu lạc bộ, đội văn nghệ dân gian tại các điểm du lịch, khu du lịch hoặc tại các nơi có kết nối đón và phục vụ du khách 20 triệu đồng/1 câu lạc bộ hoặc 1 đội văn nghệ.</li> <li>- Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất tại các khu, tụ điểm du lịch. Bao gồm: đầu tư nhà vệ sinh công cộng, xây dựng hệ thống thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, bãi đậu xe.</li> </ul> <p><b>2. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư dự án xây dựng nhà hàng ẩm thực đặc trưng kết hợp bán đặc sản, hàng lưu niệm, hàng OCOP tỉnh Trà Vinh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh:</b> mức hỗ trợ 500.000 đồng/m<sup>2</sup> mặt sàn xây dựng, tối đa không quá 200 triệu đồng/nhà hàng.</p> <p><b>3. Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển khách du lịch.</b> Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư mua sắm phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch được hỗ trợ 30% giá trị phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch nhưng không quá 50 triệu đồng/phương tiện, tối đa không quá 150 triệu đồng/dự án.</li> <li>- Đầu tư mua sắm phương tiện giao thông thô sơ sẽ được hỗ trợ 50% giá trị phương tiện vận chuyển nhưng không quá 10 triệu đồng/phương tiện, tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án.</li> <li>- Hỗ trợ đầu tư mua sắm xe điện vận chuyển khách du</li> </ul>	
--	--	--	--	---	--

				<p>lịch 15% giá trị phương tiện nhưng không quá 50 triệu đồng/phương tiện, tối đa không quá 150 triệu đồng/dự án.</p> <p><b>4. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp, cơ sở, hộ gia đình kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên, nếu có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho người lao động.</b> Từ 500.000 đồng đến 5 triệu đồng/người (tùy theo thời gian đào tạo, bồi dưỡng). Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/khóa đào tạo.</p> <p><b>5. Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân lãi suất vay ngân hàng để đầu tư phát triển du lịch:</b> 50% lãi suất tiền vay ngân hàng nhưng số tiền được hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/dự án và được hỗ trợ lãi suất theo từng năm (Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ theo các nội dung (1), (2), (3), (4) thì không được hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng theo quy định này).</p>	
--	--	--	--	---	--